



BỘ CÁN HỎI-ĐÁP ÁN CUỘC THI "TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG MA TÚY" TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

(Ban hành Kèm theo Công văn số: ~~37~~ **7** BTC ngày ~~20~~ **10**/2026 của Ban Tổ chức Cuộc thi)

STT	Câu hỏi	A	B	C	D	Đáp án đúng
1	Theo Bộ luật Hình sự, người trồng cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy thuộc một trong các trường hợp: có tổ chức; trồng với số lượng từ 3.000 cây trở lên; hoặc tái phạm nguy hiểm thì bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?	Phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.	Phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.	Phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.	Phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.	B (theo các điểm a, b, c khoản 2 Điều 247 Bộ luật Hình sự).
2	Theo Bộ luật Hình sự, người nào phạm tội trồng cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 247 thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự khi nào?	Đã tự nguyện phá bỏ, giao nộp cho cơ quan chức năng có thẩm quyền trước khi thu hoạch.	Đã tự nguyện phá bỏ, giao nộp cho cơ quan chức năng có thẩm quyền sau khi thu hoạch.	Đã tự nguyện phá bỏ cây trước khi thu hoạch nhưng không giao nộp cho cơ quan chức năng có thẩm quyền.	Đã tự nguyện giao nộp cây sau khi bị cơ quan chức năng phát hiện.	A (theo khoản 4 Điều 247 Bộ luật Hình sự).
3	Theo Bộ luật Hình sự, người nào sản xuất trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào thì bị phạt tù?	Từ 01 năm đến 05 năm.	Từ 03 năm đến 07 năm.	Từ 05 năm đến 07 năm.	Từ 05 năm đến 10 năm.	B (theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự).
4	Theo Bộ luật Hình sự, trường hợp người phạm tội sản xuất trái phép chất ma túy có tính chất chuyên nghiệp thì bị áp dụng hình phạt nào sau đây?	Phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.	Phạt tù từ 20 năm đến 30 năm.	Phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân.	Phạt tù chung thân hoặc tử hình.	A (theo điểm A khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự).

5	Theo Bộ luật Hình sự, người phạm tội sản xuất trái phép chất ma túy còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung nào sau đây?	Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.	Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm.	Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.	Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng; tước một số quyền công dân từ 01 năm đến 05 năm.	A (theo khoản 6 Điều 248 Bộ luật Hình sự).
6	Theo quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự, người nào tàng trữ trái phép chất ma túy thuộc trường hợp “sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội” thì bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?	Phạt tù từ 03 năm đến 05 năm.	Phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.	Phạt tù từ 10 năm đến 15 năm.	Phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.	B (theo điểm d khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự).
7	Theo Bộ luật Hình sự, người nào tàng trữ trái phép các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam hoặc ở thể lỏng có thể tích từ 250 mililit đến dưới 750 mililit thì bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?	Phạt tù từ 03 năm đến 05 năm.	Phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.	Phạt tù từ 10 năm đến 15 năm.	Phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.	C (theo điểm e, điểm g khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự).
8	Ngoài hình phạt chính, theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự, người phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung nào sau đây?	Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng.	Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 02 năm đến 07 năm.	Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề từ 01 năm đến 05 năm.	Tịch thu tài sản.	A (theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự.)

9	Theo Bộ luật Hình sự, người nào vận chuyển trái phép chất ma túy mà sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội thì bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?	Phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.	Phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.	Phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.	Phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân.	B (theo điểm đ khoản 2 Điều 250 Bộ luật Hình sự).
10	Theo Bộ luật Hình sự, người nào mua bán trái phép chất ma túy qua biên giới thì có thể bị xử lý như thế nào?	Phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.	Phạt tù từ 03 năm đến 05 năm.	Phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.	Phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.	D (theo điểm g khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự).
11	Theo Bộ luật Hình sự, người mua bán trái phép chất ma túy phạm tội 02 lần trở lên thì bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?	Phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.	Phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.	Phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.	Phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân.	B (theo điểm B khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự).
12	Theo Bộ luật Hình sự, người mua bán trái phép chất ma túy thuộc trường hợp lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức để thực hiện hành vi phạm tội thì bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?	Phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.	Phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.	Phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.	Phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.	B (theo điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự).
13	Theo Bộ luật Hình sự, người mua bán trái phép chất ma túy sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội thì bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?	Phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.	Phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.	Phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.	Phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.	B (theo điểm e khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự).

14	Theo Bộ luật Hình sự, hành vi mua bán trái phép chất ma túy qua biên giới bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?	Phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.	Phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.	Phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.	Phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.	B (theo điểm g khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự).
15	Theo Bộ luật Hình sự, khung hình phạt từ 15 năm đến 20 năm tù được áp dụng đối với hành vi mua bán trái phép Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng bao nhiêu?	Từ 05 gam đến dưới 30 gam.	Từ 30 gam đến dưới 100 gam.	Từ 100 gam đến dưới 03 kilôgam.	Từ 03 kilôgam trở lên.	B (theo điểm B khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự).
16	Theo Bộ luật Hình sự, hành vi mua bán trái phép các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 750 mililit đến dưới 22 lít bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?	Phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.	Phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.	Phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân.	Phạt tù chung thân hoặc tử hình.	C (theo điểm g khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự).
17	Theo Bộ luật Hình sự, người mua bán trái phép chất ma túy thuộc trường hợp nào sau đây thì bị phạt tù chung thân hoặc tử hình?	Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 300 gam đến dưới 09 kilôgam.	Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 05 kilôgam đến dưới 09 kilôgam.	Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 09 kilôgam trở lên.	Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam.	C (theo điểm e khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự).

18	Theo Bộ luật Hình sự, người phạm tội chiếm đoạt chất ma túy thuộc một trong các trường hợp: có tổ chức; phạm tội 02 lần trở lên; lợi dụng chức vụ, quyền hạn; sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội; hoặc tái phạm nguy hiểm, thì bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?	Phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.	Phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.	Phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.	Phạt tù từ 10 năm đến 15 năm.	C (theo điểm a, b, c, đ, o Khoản 2 Điều 252 Bộ luật Hình sự).
19	Theo Bộ luật Hình sự, người nào chiếm đoạt chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào thuộc một trong các trường hợp: nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 05 kilôgam trở lên; Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 100 gam trở lên; các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 300 gam trở lên hoặc ở thể lỏng có thể tích từ 750 mililit trở lên, thì bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?	Phạt tù từ 10 năm đến 15 năm.	Phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.	Phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.	Phạt tù chung thân hoặc tử hình.	C (theo điểm a, b, e, g Khoản 4 Điều 252 Bộ luật Hình sự).

20	Theo Bộ luật Hình sự, người nào sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp: đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; hoặc có số lượng từ 06 đơn vị đến 19 đơn vị dụng cụ, phương tiện cùng loại hoặc khác loại, thì bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?	Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.	Phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.	Phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.	Phạt tù từ 10 năm đến 15 năm.	B (theo Khoản 1 Điều 254 Bộ luật Hình sự).
21	Theo Bộ luật Hình sự, trường hợp nào sau đây thuộc khung hình phạt từ 05 năm đến 10 năm tù đối với tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy?	Có tổ chức; phạm tội 02 lần trở lên; lợi dụng chức vụ, quyền hạn; lợi dụng danh nghĩa	Có số lượng từ 06 đơn vị đến 19 đơn vị dụng cụ, phương tiện cùng loại hoặc khác loại; đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã được xóa án tích.	Có số lượng dưới 06 đơn vị dụng cụ, phương tiện cùng loại hoặc khác loại và thực hiện hành vi lần đầu.	Chỉ vận chuyển, mua bán dụng cụ, phương tiện giữa các địa phương trong cùng một tỉnh.	A (theo khoản 2 Điều 254 Bộ luật Hình sự).

22	Theo Bộ luật Hình sự, ngoài hình phạt chính, người phạm tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung, trong đó có hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. Thời hạn áp dụng hình phạt bổ sung này là bao lâu?	Từ 06 tháng đến 03 năm.	Từ 01 năm đến 05 năm.	Từ 02 năm đến 05 năm.	Từ 03 năm đến 07 năm.	B (theo Khoản 3 Điều 254 Bộ luật Hình sự).
23	Hành vi nào sau đây thuộc tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định Bộ luật Hình sự?	Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào	Tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng không nhằm mục đích mua bán.	Vận chuyển trái phép chất ma túy từ địa điểm này đến địa điểm khác	Mua bán trái phép chất ma túy cho người khác.	A (theo Khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự).
24	Đối với tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi này 02 lần trở lên thì bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?	Phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.	Phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.	Phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.	Phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân.	B (theo điểm A khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự).
25	Đối với tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho bao nhiêu người trở lên thì thuộc khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm tù?	01 người.	02 người trở lên.	03 người trở lên.	05 người trở lên.	B (theo điểm B khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự).

26	Theo Bộ luật Hình sự, người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi thì bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?	Phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.	Phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.	Phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.	Phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân.	B (theo điểm c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự).
27	Theo Bộ luật Hình sự, người tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy sẽ bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm trong trường hợp nào sau đây?	Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%.	Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên hoặc gây chết người; gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%; hoặc gây bệnh nguy hiểm cho 02 người trở lên.	Gây bệnh nguy hiểm cho 01 người hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người nhưng tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người dưới 31%.	Gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên.	B (theo điểm a, b, c khoản 3 Điều 255 Bộ luật Hình sự).
28	Theo Bộ luật Hình sự, người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đối với người dưới 13 tuổi thì bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?	Phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.	Phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.	Phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.	Phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân.	C (theo điểm D khoản 3 Điều 255 Bộ luật Hình sự).
29	Người nào cho thuê, cho mượn địa điểm hoặc có bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự, thì bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?	Phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.	Phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.	Phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.	Phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.	B (theo Khoản 1 Điều 256 Bộ luật Hình sự).

30	Theo Bộ luật Hình sự, hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy trong trường hợp nào sau đây thuộc khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm tù?	Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; phạm tội 02 lần trở lên; đối với người dưới 16 tuổi; đối với 02 người trở lên; hoặc tái phạm nguy hiểm.	Chỉ cần người phạm tội thực hiện hành vi lần đầu và chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy đối với 01 người.	Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy đối với người từ đủ 16 tuổi trở lên trong mọi trường hợp.	Chỉ trường hợp lợi dụng chức vụ, quyền hạn mới thuộc khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm tù.	A (theo khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự).
31	Ngoài hình phạt chính, người phạm tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung nào sau đây theo khoản 3 Điều 256 Bộ luật Hình sự?	Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần tài sản.	Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc tịch thu toàn bộ tài sản.	Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.	Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc tịch thu toàn bộ tài sản.	C (theo Khoản 3 Điều 256 Bộ luật Hình sự).
32	Theo quy định của Bộ luật Hình sự, người đang trong thời hạn cai nghiện ma túy hoặc điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy; hoặc đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy mà sử dụng trái phép chất ma túy thì bị áp dụng hình phạt nào sau đây?	Phạt tù từ 02 năm đến 03 năm.	Phạt tù từ 03 năm đến 05 năm.	Phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.	Phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.	A (theo điểm A và điểm B khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự).

33	Người sử dụng trái phép chất ma túy mà đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy thì có thể bị xử lý như thế nào?	Không bị xử lý hình sự nhưng có thể bị xử lý hành chính	Phạt tù từ 02 năm đến 03 năm.	Bị xử phạt vi phạm hành chính từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng	Bị đưa đi vào cơ sở giáo dục	B (theo điểm c, d khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự).
34	Người sử dụng trái phép chất ma túy mà đang trong thời hạn 02 năm kể từ khi tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện hoặc điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế, thì có thể bị xử lý như thế nào?	Phạt tù từ 01 năm đến 02 năm.	Phạt tù từ 02 năm đến 03 năm.	Phạt tù từ 03 năm đến 05 năm.	Không bị xử lý hình sự	B (theo điểm c, d khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự).
35	Người tái phạm về tội sử dụng trái phép chất ma túy thì có thể bị phạt tù bao nhiêu năm?	Tù 02 năm đến 03 năm.	Tù 03 năm đến 05 năm.	Tù 05 năm đến 07 năm.	Không bị phạt tù	B (theo khoản 2 Điều 256a Bộ luật Hình sự).
36	Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần của người khác để buộc họ phải sử dụng trái phép chất ma túy trái với ý muốn của họ thì bị phạt tù bao nhiêu năm?	Tù 01 năm đến 05 năm.	Tù 02 năm đến 07 năm.	Tù 03 năm đến 07 năm.	Tù 07 năm đến 15 năm.	B (theo khoản 1 Điều 257 Bộ luật Hình sự).

37	Người thực hiện hành vi cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy trong các trường hợp: có tổ chức; phạm tội 02 lần trở lên; vì động cơ dâm dục hoặc vì tư lợi; đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi; hoặc đối với phụ nữ mà biết là có thai, thì bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?	Phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.	Phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.	Phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.	Phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.	C (theo điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 257 Bộ luật Hình sự).
38	Người thực hiện hành vi cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy trong các trường hợp: đối với 02 người trở lên; đối với người đang cai nghiện; gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; gây bệnh nguy hiểm cho người khác; hoặc tái phạm nguy hiểm, thì bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?	Phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.	Phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.	Phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.	Phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.	C (theo điểm e, g, h, i và k khoản 2 Điều 257 Bộ luật Hình sự).
39	Đối với tội cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy, trường hợp làm chết 02 người trở lên thì người phạm tội bị áp dụng hình phạt nào sau đây?	Phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.	Phạt tù từ 20 năm đến 25 năm.	Phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân.	Phạt tù chung thân hoặc tử hình.	C (theo khoản 4 Điều 257 Bộ luật Hình sự).

40	Theo Bộ luật Hình sự, ngoài hình phạt chính, người phạm tội cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy còn có thể bị phạt tiền với mức nào sau đây?	Từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng.	Từ 5 triệu đồng đến 100 triệu đồng.	Từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng.	Từ 50 triệu đồng đến 500 triệu đồng.	B (theo khoản 5 Điều 257 Bộ luật Hình sự).
41	Theo quy định của Bộ luật Hình sự, người nào rủ rê, dụ dỗ, xúi giục hoặc bằng các thủ đoạn khác nhằm lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy thì bị phạt tù từ bao nhiêu năm?	Từ 01 năm đến 03 năm.	Từ 01 năm đến 05 năm.	Từ 02 năm đến 07 năm.	Từ 05 năm đến 10 năm.	B (theo Khoản 1 Điều 258 Bộ luật Hình sự).
42	Đối với tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy, người phạm tội có tổ chức; phạm tội 02 lần trở lên; vì động cơ đê hèn hoặc vì tư lợi; đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi; hoặc đối với phụ nữ mà biết là có thai thì bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?	Phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.	Phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.	Phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.	Phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.	C (theo điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 258 Bộ luật Hình sự).

43	Đối với tội lỗi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy, người phạm tội đối với 02 người trở lên; đối với người đang cai nghiện; gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; gây bệnh nguy hiểm cho người khác; hoặc tái phạm nguy hiểm thì bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?	Phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.	Phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.	Phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.	Phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.	C (theo Điểm e, g, h, i và k khoản 2 Điều 258 Bộ luật Hình sự).
44	Đối với tội lỗi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy, trường hợp nào sau đây thuộc khung hình phạt từ 10 năm đến 15 năm tù?	Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên hoặc gây chết người; gây bệnh nguy hiểm cho 02 người trở lên; hoặc lôi kéo người dưới 13 tuổi.	Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với tỷ lệ từ 31% đến 60%.	Lôi kéo người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi.	Lôi kéo 02 người trở lên.	A (theo khoản 3 Điều 258 Bộ luật Hình sự).
45	Theo quy định Bộ luật Hình sự, đối với tội lỗi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy, trường hợp nào sau đây bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân?	Gây chết 01 người.	Gây bệnh nguy hiểm cho 02 người.	Gây chết 02 người trở lên.	Gây tổn hại sức khỏe của 02 người với tỷ lệ từ 31% đến 60% mỗi người.	C (theo khoản 4 Điều 258 Bộ luật Hình sự).
46	Ngoài hình phạt chính, người phạm tội lỗi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung nào sau đây?	Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.	Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng.	Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng.	Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng.	A (theo khoản 5 Điều 258 Bộ luật Hình sự).

47	Theo Nghị định số 282/2025/NĐ-CP, hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự bị xử phạt như thế nào?	Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng.	Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.	Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.	Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.	B (theo điểm A khoản 1 Điều 30 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP).
48	Theo Nghị định số 282/2025/NĐ-CP thì mức phạt tiền đối với hành vi tàng trữ, vận chuyển trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự là:	Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.	Từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.	Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.	Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.	B (theo điểm A khoản 2 Điều 30 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP).
49	Theo điểm c khoản 2 Điều 30 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP, mức phạt đối với hành vi sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự là bao nhiêu?	Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.	Từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.	Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.	Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.	B (theo điểm c khoản 2 Điều 30 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP).
50	Theo khoản 3 Điều 30 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP, hành vi trồng cây có chứa chất ma túy hoặc hướng dẫn trồng cây có chứa chất ma túy sẽ bị phạt tiền:	Từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.	Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.	Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.	Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.	B (theo khoản 3 Điều 30 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP).

51	Theo Nghị định số 282/2025/NĐ-CP, hành vi môi giới, giúp sức hoặc hành vi khác giúp người khác sử dụng trái phép chất ma túy thì bị phạt tiền:	Từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.	Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.	Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.	Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.	C (theo điểm A khoản 4 Điều 30 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP).
52	Theo Nghị định số 282/2025/NĐ-CP, người có hành vi chống lại hoặc cản trở việc xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể, xác định tình trạng nghiện ma túy, quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy có thể bị phạt tiền:	Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.	Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.	Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.	Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.	B (theo điểm A khoản 4 Điều 30 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP).
53	Theo Nghị định số 282/2025/NĐ-CP, người có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp để vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy thì bị phạt tiền bao nhiêu tiền?	Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.	Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.	Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.	Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.	C (theo điểm a khoản 5 Điều 30 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP).

54	Theo Nghị định số 282/2025/NĐ-CP, hành vi vi phạm quy định về quản lý, kiểm soát, lưu giữ chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần tại khu vực cửa khẩu, khu vực biên giới, trên biển nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị phạt tiền như thế nào?	Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.	Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.	Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.	Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.	D (theo Điểm e khoản 5 Điều 30 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP).
55	Theo Nghị định số 282/2025/NĐ-CP, hành vi trả thù hoặc cản trở người thực thi nhiệm vụ phòng, chống ma túy, người tham gia phòng, chống ma túy thì bị phạt tiền như thế nào?	Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.	Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.	Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.	Từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng.	C (Điểm c khoản 6 Điều 30 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP).
56	Theo Nghị định số 282/2025/NĐ-CP, hành vi cung cấp địa điểm, phương tiện cho người khác tàng trữ trái phép chất ma túy sẽ bị phạt tiền ở mức nào?	Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.	Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.	Từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng.	Từ 75.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.	C (theo khoản 7 Điều 30 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP).
57	Theo Nghị định số 282/2025/NĐ-CP, hành vi không thông báo công khai, minh bạch về loại dịch vụ, quy trình thực hiện dịch vụ, giá dịch vụ cai nghiện ma túy thì bị phạt tiền như thế nào?	Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.	Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.	Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.	Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.	A (theo Điểm A khoản 1 Điều 31 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP).

58	Theo Nghị định số 282/2025/NĐ-CP, hành vi thực hiện không đúng, không đầy đủ quy trình cai nghiện ma túy, quy trình cung cấp dịch vụ cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng sẽ bị phạt tiền:	Từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.	Từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.	Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.	Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.	B (theo khoản 3 Điều 31 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP).
59	Theo Nghị định số 282/2025/NĐ-CP, hành vi cho mượn, cho thuê, chuyển nhượng hoặc sử dụng Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện vào mục đích khác thì bị phạt tiền như thế nào?	Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.	Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.	Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.	Từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng.	C (theo khoản 5 Điều 31 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP).
60	Theo Nghị định số 282/2025/NĐ-CP, hành vi tổ chức cai nghiện ma túy khi chưa được đăng ký, chưa được cấp phép hoạt động hoặc chưa đáp ứng các điều kiện hoạt động theo quy định thì sẽ bị phạt tiền:	Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.	Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.	Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.	Từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng.	D (theo khoản 6 Điều 31 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP).

61	Một người thuộc trường hợp tự nguyện xác định tình trạng nghiện ma túy theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy đến Công an cấp xã đăng ký và đề nghị được thực hiện xác định tình trạng nghiện. Theo Nghị định số 166/2026/NĐ-CP, cách lựa chọn địa điểm xác định tình trạng nghiện nào sau đây là phù hợp nhất?	Bắt buộc thực hiện tại cơ sở y tế do Công an cấp xã chỉ định, người được xác định không có quyền lựa chọn.	Chỉ được thực hiện tại bệnh viện đa khoa cấp tỉnh hoặc cơ sở cai nghiện ma túy công lập.	Người đó được lựa chọn một trong các cơ sở y tế xác định tình trạng nghiện ma túy theo quy định sau khi đăng ký với cơ quan Công an cấp xã.	Người đó được tự lựa chọn bất kỳ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nào mà không cần đăng ký với Công an cấp xã.	C K1 Đ2 NĐ166/2026/NĐ-CP
62	Cơ quan Công an đang tạm giữ một người theo thủ tục hành chính và cần xác định tình trạng nghiện ma túy của người này. Nơi tạm giữ có đủ điều kiện để cơ sở y tế thực hiện việc xác định tình trạng nghiện. Theo Nghị định số 166/2026/NĐ-CP, phương án xử lý nào phù hợp?	Bắt buộc đưa người bị tạm giữ đến cơ sở cai nghiện ma túy công lập.	Việc xác định tình trạng nghiện ma túy được thực hiện tại nơi tạm giữ hành chính.	Phải đưa người bị tạm giữ về cơ sở y tế nơi người đó đăng ký thường trú.	Chỉ được xác định tình trạng nghiện sau khi hết thời hạn tạm giữ.	B K1 Đ5 NĐ166/2026/NĐ-CP

63	Một người đang bị tạm giữ theo thủ tục hành chính cần được xác định tình trạng nghiện ma túy, nhưng tại nơi tạm giữ không có cơ sở y tế thực hiện xác định tình trạng nghiện. Sau khi cơ quan đề nghị gửi đủ hồ sơ đến cơ sở y tế được lựa chọn và không có điều kiện đưa người đến cơ sở y tế thì trách nhiệm của cơ sở y tế phải làm gì?	Trong vòng 06 giờ phải cử bác sĩ đến nơi tạm giữ.	Trong vòng 12 giờ phải tiếp nhận người đó tại cơ sở y tế.	Trong vòng 48 giờ phải cử tổ chuyên môn đến nơi tạm giữ.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được hồ sơ, phải cử cán bộ y tế đến nơi tạm giữ để thực hiện nhiệm vụ.	D Đb K2 Đ5 NĐ166/2026/NĐ-CP
64	Một người tự nguyện đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy đến cơ sở y tế nhưng chỉ xuất trình căn cước công dân và đơn tự viết, chưa có xác nhận theo quy định. Theo Nghị định số 166/2026/NĐ-CP, hồ sơ phù hợp đối với trường hợp tự nguyện này phải có giấy tờ nào?	Đơn đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy theo Mẫu số 01 có xác nhận của cơ quan Công an cấp xã.	Giấy đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy theo Mẫu số 02 do cơ sở y tế lập.	Bản tóm tắt lý lịch theo Mẫu số 03 kèm phiếu xét nghiệm ma túy.	Phiếu kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy theo Mẫu số 04.	A K1 Đ3 NĐ166/2026/NĐ-CP
65	Cơ quan có thẩm quyền đề nghị cơ sở y tế xác định tình trạng nghiện ma túy đối với một người thuộc trường hợp phải xác định theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy. Bộ hồ sơ nào sau đây là đầy đủ và phù hợp nhất theo Nghị định số 166/2026/NĐ-CP?	Đơn tự nguyện, căn cước công dân và giấy xác nhận cư trú.	Giấy đề nghị của cơ quan có thẩm quyền và giấy khám sức khỏe của người được đề nghị.	Giấy đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy; bản tóm tắt lý lịch của người được đề nghị; bản sao Phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể.	Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; đơn xin cai nghiện và phiếu xét nghiệm HIV.	C K2 Đ3 NĐ166/2026/NĐ-CP

66	Đối với người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính và đồng thời được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy, ngoài các giấy tờ thuộc hồ sơ đề nghị xác định tình trạng nghiện theo quy định chung, hồ sơ cần bổ sung giấy tờ nào?	Bản sao giấy khai sinh.	Bản sao quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính.	Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.	Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc.	B K3 Đ3 NĐ166/2026/NĐ-CP
67	Một cơ quan đề nghị cho rằng hồ sơ xác định tình trạng nghiện ma túy bắt buộc phải được cán bộ mang trực tiếp đến cơ sở y tế và không được sử dụng hình thức khác. Cách hiểu nào sau đây đúng với Nghị định số 166/2026/NĐ-CP?	Hồ sơ liên quan đến thông tin sức khỏe nên chỉ được nộp trực tiếp.	Chỉ được lựa chọn giữa nộp trực tiếp và gửi qua đường bưu chính.	Hồ sơ chỉ được gửi trực tiếp hoặc trên môi trường điện tử, không được gửi qua bưu chính.	Hồ sơ có thể được nộp trực tiếp, qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử theo quy định.	D K1 Đ4 NĐ166/2026/NĐ-CP
68	Sau khi hoàn thành quy trình chuyên môn xác định tình trạng nghiện ma túy, cơ sở y tế lập Phiếu kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy. Phương án nào mô tả đúng nhất số lượng và việc quản lý Phiếu kết quả?	Phiếu kết quả được lập thành 03 bản để gửi hoặc giao theo từng trường hợp cho người được xác định/người đại diện hợp pháp, cơ quan đề nghị và lưu hồ sơ bệnh án.	Phiếu kết quả được lập thành 02 bản, một bản giao Công an và một bản lưu tại cơ sở y tế.	Phiếu kết quả được lập thành 04 bản và bắt buộc gửi thêm một bản cho UBND cấp tỉnh.	Chỉ lập 01 bản điện tử lưu trên hệ thống quản lý y tế.	A Dd K2 Đ4 NĐ166/2026/NĐ-CP

69	Sau khi có kết quả xác định tình trạng nghiện, cơ sở y tế dự định chỉ trả Phiếu kết quả bản giấy vì cho rằng kết quả y khoa không được sử dụng dưới dạng điện tử. Theo Nghị định số 166/2026/NĐ-CP, nhận định nào đúng?	Chỉ trả phiếu kết quả bản giấy	Chỉ được trả bản điện tử nếu người được xác định tự nguyện.	Kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy có thể được trả bằng bản giấy hoặc bản điện tử theo quy định.	Chỉ cơ quan Công an mới được nhận bản điện tử.	C Dd K2 Đ4 NĐ166/2026/NĐ-CP
70	Một người được cơ quan có thẩm quyền đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy tại cơ sở y tế. Trong quá trình thực hiện phát sinh yêu cầu bảo đảm an ninh và chi phí xác định tình trạng nghiện. Theo Nghị định số 166/2026/NĐ-CP, phương án nào phù hợp nhất?	Cơ sở y tế phải tự bảo đảm toàn bộ an ninh và tự chi trả chi phí.	Cơ quan đề nghị có trách nhiệm phối hợp bảo đảm an ninh, an toàn và chịu trách nhiệm thanh toán chi phí xác định tình trạng nghiện theo quy định.	Người được xác định bắt buộc phải tự thanh toán toàn bộ chi phí và tự chịu trách nhiệm về an ninh.	UBND cấp xã phải thanh toán chi phí trong mọi trường hợp.	B K3 K4 Đ4; K4 Đ5; K4 K5 Đ6 NĐ166/2026/NĐ-CP
71	Cơ quan đề nghị và cơ sở y tế thống nhất lựa chọn một địa điểm khác để xác định tình trạng nghiện ma túy cho người không thuộc trường hợp đang bị tạm giữ hành chính. Sau khi cơ sở y tế nhận đủ hồ sơ, yêu cầu về thời gian cử cán bộ y tế đến địa điểm được thống nhất là:	Không quá 03 ngày làm việc.	Không quá 48 giờ.	Trong ngày làm việc tiếp theo.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được hồ sơ.	D K2 Đ6 NĐ166/2026/NĐ-CP

72	Trong quá trình lập hồ sơ và xác định tình trạng nghiện ma túy, một cán bộ đề xuất công khai danh sách người được xác định để thuận lợi cho việc phối hợp giữa các cơ quan. Theo Nghị định số 166/2026/NĐ-CP, nguyên tắc nào phải được ưu tiên áp dụng?	Việc quản lý, lưu trữ hồ sơ và bảo mật thông tin cá nhân của người được xác định phải tuân thủ quy định của pháp luật.	Danh sách phải được công khai tại UBND cấp xã.	Thông tin được công khai nếu người đó đã có kết quả xét nghiệm ma túy dương tính.	Cơ sở y tế được tự quyết định mức độ công khai thông tin.	A Đ7 NĐ166/2026/NĐ-CP
73	Một cơ sở y tế đã được chỉ định thực hiện xác định tình trạng nghiện ma túy trước ngày Nghị định số 166/2026/NĐ-CP có hiệu lực. Sau ngày 01/7/2026, cơ sở cho rằng toàn bộ việc xác định phải dừng lại chờ chỉ định mới. Cách hiểu nào phù hợp với quy định chuyển tiếp?	Cơ sở phải ngừng hoạt động ngay từ ngày Nghị định số 166/2026/NĐ-CP có hiệu lực.	Cơ sở y tế đã được chỉ định trước ngày Nghị định số 166/2026/NĐ-CP có hiệu lực tiếp tục thực hiện công tác xác định tình trạng nghiện ma túy theo quy định chuyển tiếp.	Chi bệnh viện cấp tỉnh được tiếp tục hoạt động.	Chi cơ sở thuộc Bộ Công an được tiếp tục thực hiện.	B K1 Đ10 NĐ166/2026/NĐ-CP
74	Một hồ sơ đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy đã được nộp cho cơ sở y tế trước thời điểm Nghị định số 166/2026/NĐ-CP có hiệu lực nhưng đến ngày 01/7/2026 vẫn chưa hoàn thành. Theo quy định chuyển tiếp, phương án xử lý nào phù hợp?	Phải hủy hồ sơ và lập lại toàn bộ theo Nghị định số 166/2026/NĐ-CP.	Chỉ giữ lại phiếu xét nghiệm, các giấy tờ khác phải lập lại.	Tạm dừng cho đến khi Bộ Y tế có văn bản hướng dẫn riêng.	Hồ sơ đã nộp trước thời điểm Nghị định số 166/2026/NĐ-CP có hiệu lực tiếp tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 109/2021/NĐ-CP.	D K2 Đ10 NĐ166/2026/NĐ-CP

75	Một người có biểu hiện ham muốn mạnh mẽ phải sử dụng ma túy, khó kiểm soát hành vi sử dụng và có hiện tượng dung nạp. Ba biểu hiện này xảy ra đồng thời trong ít nhất 01 tháng. Theo tiêu chuẩn chẩn đoán tại Thông tư số 14/2026/TT-BYT, nhận định nào phù hợp nhất?	Chưa thể kết luận vì bắt buộc phải có tiêu chuẩn hội chứng cai.	Có đủ căn cứ về số lượng tiêu chuẩn để kết luận “có nghiện ma túy” nếu đáp ứng điều kiện thời gian theo quy định.	Chỉ được kết luận có nghiện khi có đủ 04/06 tiêu chuẩn.	Phải có xét nghiệm chất ma túy dương tính ít nhất hai lần mới được kết luận.	B K1 Đ2 TT14/2026/TT-BYT
76	Một người thường sử dụng ma túy với lượng lớn hơn dự định và nhiều lần cố gắng giảm hoặc kiểm soát việc sử dụng nhưng không thành công. Theo Phụ lục I Thông tư số 14/2026/TT-BYT, các dấu hiệu trên phù hợp nhất với tiêu chuẩn nào?	Tiêu chuẩn 2: Khó khăn trong việc kiểm soát hành vi sử dụng chất ma túy.	Tiêu chuẩn 3: Hiện tượng dung nạp.	Tiêu chuẩn 4: Thờ ơ với các thú vui hoặc sở thích khác.	Tiêu chuẩn 6: Trạng thái cai chất ma túy.	A Đ1 PL1 kèm theo TT14/2026/TT-BYT
77	Trong khai thác bệnh sử, một người cho biết trước đây chỉ cần sử dụng một lượng nhỏ ma túy để đạt được tác dụng mong muốn, nhưng hiện nay phải tăng đáng kể lượng sử dụng; hoặc khi dùng cùng lượng cũ thì tác dụng giảm rõ rệt. Theo Thông tư số 14/2026/TT-BYT, đây là biểu hiện của:	Mất kiểm soát hành vi sử dụng.	Hội chứng cai.	Hiện tượng dung nạp với chất ma túy.	Tiếp tục sử dụng mặc dù biết rõ tác hại.	C Đ2 PL1 kèm theo TT14/2026/TT-BYT

78	Một người vẫn tiếp tục sử dụng ma túy mặc dù biết mình đã bị viêm gan C, gia đình kiệt quệ về kinh tế và các mối quan hệ gia đình bị ảnh hưởng nghiêm trọng do việc sử dụng ma túy. Theo Thông tư số 14/2026/TT-BYT, các biểu hiện này phù hợp nhất với:	Tiêu chuẩn 3 - hiện tượng dung nạp.	Tiêu chuẩn 5 - tiếp tục sử dụng chất ma túy mặc dù đã biết về các tác hại của chất ma túy.	Tiêu chuẩn 6 - trạng thái cai.	Chưa thuộc bất kỳ tiêu chuẩn chẩn đoán nào.	B Đ4 PL1 kèm theo TT14/2026/TT-BYT
79	Khi thực hiện xác định tình trạng nghiện ma túy, bác sĩ chỉ dựa vào kết quả xét nghiệm nước tiểu dương tính và dự định kết luận người đó nghiện ma túy mà không khai thác thông tin hoặc theo dõi lâm sàng. Cách thực hiện nào sau đây mới phù hợp với Thông tư số 14/2026/TT-BYT?	Phải dựa trên theo dõi lâm sàng, khai thác thông tin từ người cần xác định hoặc người đi cùng nếu có và hồ sơ do cơ quan đề nghị cung cấp; sau đó đối chiếu các tiêu chuẩn chẩn đoán.	Chỉ cần xét nghiệm ma túy dương tính là đủ.	Chỉ cần lời khai của người đi cùng.	Chỉ cần hồ sơ của cơ quan Công an.	A K3 Đ2 TT14/2026/TT-BYT
80	Trường hợp một người có đúng 02 tiêu chuẩn chẩn đoán tình trạng nghiện ma túy nhưng không có tiêu chuẩn 6, hoặc các dấu hiệu của tình trạng nghiện chưa rõ ràng, cán bộ chuyên môn phải xử lý thế nào?	Kết luận ngay “có nghiện ma túy”.	Tiếp tục thực hiện Bước 4: khám bệnh, theo dõi lâm sàng, cập nhật hồ sơ và các Phiếu theo dõi theo quy định.	Kết luận ngay “không nghiện ma túy”, không cần theo dõi thêm.	Chỉ làm lại xét nghiệm nước tiểu sau 24 giờ.	B Điểm c K3 Đ3 TT14/2026/TT-BYT

81	Sau khi hoàn thành quy trình chuyên môn, bác sĩ đã ghi kết luận tình trạng nghiện vào Phiếu tổng hợp theo dõi. Để trả kết quả chính thức theo quy định, kết luận đó phải được ghi vào loại giấy tờ nào?	Phiếu kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy theo Mẫu số 04 ban hành kèm Nghị định số 166/2026/NĐ-CP.	Đơn đề nghị theo Mẫu số 01 của Nghị định số 166/2026/NĐ-CP.	Phiếu theo dõi trạng thái cai theo Mẫu số 02 của Thông tư số 14/2026/TT-BYT.	Bản tóm tắt lý lịch theo Mẫu số 03 của Nghị định số 166/2026/NĐ-CP.	A Mẫu số 4 PL kèm theo NĐ 166/2026/NĐ-CP
82	Trong thời gian xác định tình trạng nghiện, người được xác định xuất hiện hội chứng cai kèm rối loạn tâm thần cần can thiệp. Cơ sở đang xác định tình trạng nghiện không đủ khả năng điều trị chuyên môn. Phương án nào đúng?	Phải chờ có kết luận “có nghiện” mới được điều trị.	Chỉ được điều trị triệu chứng cai, không được xử trí bệnh kèm theo.	Bắt buộc chuyển đến cơ sở cai nghiện ma túy.	Người bệnh được khám, điều trị theo pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; nếu vượt quá khả năng chuyên môn thì chuyển đến cơ sở y tế đủ điều kiện điều trị.	D K5 Đ3 TT14/2026/TT-BYT
83	Cha của một người cần được xác định tình trạng nghiện cho rằng toàn bộ thông tin về tiền sử sử dụng ma túy là vấn đề riêng tư nên có quyền từ chối cung cấp thông tin cho cơ sở y tế. Theo Thông tư số 14/2026/TT-BYT, trách nhiệm của người được xác định hoặc người đại diện hợp pháp được hiểu như thế nào?	Chỉ phải cung cấp thông tin khi có quyết định của Tòa án.	Có trách nhiệm chấp hành nội quy, quy chế của cơ sở y tế và cung cấp trung thực thông tin liên quan đến tiền sử, biểu hiện sử dụng ma túy và các nội dung chuyên môn cần thiết.	Chỉ phải cung cấp kết quả xét nghiệm.	Việc cung cấp thông tin hoàn toàn không liên quan đến quy trình chuyên môn.	B K5 Đ5 TT14/2026/TT-BYT

84	Đề tổ chức thực hiện Thông tư số 14/2026/TT-BYT tại địa phương, UBND cấp tỉnh cần chỉ đạo đồng thời việc triển khai chuyên môn, đào tạo và báo cáo. Phương án nào phản ánh đầy đủ nhất trách nhiệm này?	Chỉ đạo các bệnh viện tuyến tỉnh thực hiện, không giao nhiệm vụ cho cấp xã.	Chỉ tổ chức đào tạo một lần khi Thông tư có hiệu lực.	Chỉ đạo cơ quan chuyên môn về y tế triển khai, kiểm tra; tổ chức đào tạo liên tục cho cơ sở và người thực hiện; chỉ đạo cấp xã triển khai và thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định.	Chuyển toàn bộ trách nhiệm tổ chức thực hiện cho cơ quan Công an.	C K4 Đ5 TT14/2026/TT-BYT
85	Một cơ sở chỉ thực hiện việc cấp thuốc thay thế cho người đang tham gia chương trình điều trị tại cơ sở điều trị thay thế, không trực tiếp đảm nhiệm toàn bộ hoạt động khám và điều trị ban đầu. Theo cách phân loại tại Nghị định số 141/2024/NĐ-CP, cơ sở này phù hợp nhất với khái niệm nào?	Cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc.	Cơ sở cấp phát thuốc điều trị thay thế.	Cơ sở xác định tình trạng nghiện ma túy.	Cơ sở tư vấn và xét nghiệm HIV.	B Điểm b K1 Đ15 NĐ141/2024/NĐ-CP
86	Một đơn vị dự kiến tổ chức cơ sở điều trị thay thế nhưng chỉ bố trí phòng cấp phát thuốc và kho thuốc, không bố trí đầy đủ các khu vực, trang thiết bị và điều kiện chuyên môn khác cần thiết cho hoạt động điều trị. Theo Nghị định số 141/2024/NĐ-CP, nhận định nào phù hợp nhất?	Vẫn đủ điều kiện nếu có bác sĩ phụ trách.	Vẫn đủ điều kiện nếu số người bệnh dưới 50 người.	Chỉ cần đáp ứng điều kiện về kho thuốc vì Methadone là thuốc được quản lý đặc biệt.	Cơ sở điều trị thay thế phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, nhân sự và các yêu cầu liên quan theo quy định trước khi hoạt động.	D Đ16 NĐ141/2024/NĐ-CP

87	Khi xem xét nhân sự của một cơ sở điều trị thay thế, đoàn kiểm tra chỉ thấy nhân viên cấp phát thuốc mà chưa bố trí đầy đủ nhân sự cho các hoạt động khám bệnh, tư vấn, quản lý thuốc và các nhiệm vụ chuyên môn liên quan. Nhận định nào phù hợp với Nghị định số 141/2024/NĐ-CP?	Chỉ cần người đứng đầu cơ sở có bằng bác sĩ.	Chỉ cần bác sĩ và dược sĩ, các vị trí còn lại có thể bỏ qua.	Cơ sở phải bố trí nhân sự đáp ứng các nhiệm vụ chuyên môn cần thiết như khám bệnh, chữa bệnh, cấp phát/chia liều thuốc, quản lý kho, tư vấn và các hoạt động liên quan theo quy định.	Nhân viên hành chính có thể thay thế tất cả các vị trí còn thiếu.	C Điểm a K3 Đ16 NĐ141/2024/NĐ-CP
88	Một cơ sở y tế đã đáp ứng đầy đủ điều kiện hoạt động điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế nhưng chưa thực hiện thủ tục công bố đủ điều kiện mà đã tiếp nhận và điều trị người bệnh. Theo Nghị định số 141/2024/NĐ-CP, cách thực hiện này được đánh giá như thế nào?	Không phù hợp; cơ sở chỉ được tổ chức điều trị sau khi thực hiện công bố đủ điều kiện theo quy định.	Phù hợp nếu người bệnh tự nguyện.	Phù hợp trong 30 ngày đầu hoạt động.	Phù hợp nếu có thuốc Methadone được cấp hợp pháp.	A Đ19 NĐ141/2024/NĐ-CP
89	Cơ quan tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện hoạt động của cơ sở điều trị phát hiện hồ sơ không hợp lệ. Theo Nghị định số 141/2024/NĐ-CP, trong thời hạn bao lâu kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Y tế phải thông báo cho cơ sở điều trị và hướng dẫn bổ sung hồ sơ?	03 ngày làm việc.	05 ngày làm việc.	07 ngày làm việc.	10 ngày làm việc.	A K3 Đ20 NĐ141/2024/NĐ-CP

90	Một người nghiện chất dạng thuốc phiện được gia đình đưa đến cơ sở điều trị và đề nghị cơ sở bắt buộc người này sử dụng Methadone trong thời gian 03 tháng. Căn cứ nguyên tắc điều trị tại Nghị định số 141/2024/NĐ-CP, nhận định nào đúng nhất?	Gia đình có quyền quyết định thay người bệnh.	Cơ sở có thể bắt buộc điều trị nếu người bệnh đã có kết quả xác định nghiện.	Điều trị Methadone tối đa chỉ kéo dài 03 tháng.	Điều trị bằng thuốc thay thế được thực hiện khi người nghiện tự nguyện tham gia và đây là quá trình điều trị lâu dài.	D Đ27 NĐ141/2024/NĐ-CP
91	Một người 16 tuổi nghiện chất dạng thuốc phiện tự đến đăng ký tham gia điều trị bằng thuốc thay thế, có đầy đủ giấy tờ chuyên môn nhưng cha, mẹ hoặc người đại diện hợp pháp chưa đồng ý. Theo Nghị định số 141/2024/NĐ-CP, phương án nào đúng?	Được đăng ký vì người từ đủ 15 tuổi có quyền tự quyết định.	Chỉ cần cơ quan Công an cấp xã đồng ý.	Đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi thuộc trường hợp này, việc đăng ký cần có sự đồng ý bằng văn bản của người đại diện hợp pháp theo quy định.	Người dưới 18 tuổi tuyệt đối không được điều trị bằng thuốc thay thế.	C Đ29 NĐ141/2024/NĐ-CP
92	Một người đang điều trị Methadone ổn định tại cơ sở A có nhu cầu chuyển tiếp điều trị sang cơ sở B do thay đổi nơi cư trú. Theo quy định về chuyển tiếp điều trị, phương án nào thể hiện đúng bản chất của thủ tục?	Người bệnh có đơn đề nghị chuyển tiếp theo mẫu quy định; cơ sở đang quản lý chuẩn bị thông tin/tóm tắt điều trị cần thiết để cơ sở tiếp nhận tiếp tục điều trị, đồng thời thực hiện quy trình chuyển tiếp theo Nghị định.	Người bệnh chỉ cần mang chai Methadone đang sử dụng sang cơ sở .	Người bệnh phải ngừng Methadone ít nhất 30 ngày rồi đăng ký lại từ đầu.	Chỉ UBND cấp tỉnh mới có quyền cho phép chuyển cơ sở.	A Đ34 NĐ141/2024/NĐ-CP

93	Theo Điều 35 Nghị định số 141/2024/NĐ-CP, người đang điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế có thể được cấp thuốc nhiều ngày trong những trường hợp nhất định. Nhóm nào sau đây phản ánh đầy đủ nhất các trường hợp được quy định?	Chỉ người bệnh đã điều trị đủ 05 năm.	Chỉ người điều trị nội trú tại bệnh viện.	Chỉ người sinh sống cách cơ sở điều trị trên 30 km.	Người bệnh ở giai đoạn ổn định liều và tuân thủ tốt; người đang điều trị nội trú; hoặc người điều trị ngoại trú bệnh lý khác mà không thể đến cơ sở điều trị uống thuốc hằng ngày.	D K1 Đ35 NĐ141/2024/NĐ-CP
94	Một người đã đạt liều điều trị duy trì Methadone. Trong 12 tháng sau đó, người này có một lần xét nghiệm dương tính với chất dạng thuốc phiện nhưng không có các vi phạm khác. Khi đối chiếu các trường hợp chấm dứt điều trị tại Nghị định số 141/2024/NĐ-CP, nhận định nào dưới đây phù hợp nhất?	Chắc chắn phải chấm dứt điều trị ngay sau một lần dương tính.	Không thể chỉ căn cứ vào một lần dương tính này để áp dụng trường hợp yêu cầu có kết quả dương tính liên tiếp từ 02 lần trở lên theo điều kiện của Nghị định.	Phải chấm dứt điều trị vĩnh viễn và cấm đăng ký lại.	Phải chuyển ngay sang cai nghiện bắt buộc mà không cần xem xét điều kiện khác.	B Điểm b K2 Đ36 NĐ141/2024/NĐ-CP
95	Theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025, chất ma túy được định nghĩa như thế nào?	Là chất độc cực mạnh gây ảnh hưởng trực tiếp đến tính mạng con người và bị cấm lưu hành hoàn toàn trên thị trường.	Là chất gây nghiện, chất hướng thần được quy định trong danh mục chất ma túy do chính phủ ban hành.	Là các loại hóa chất nhân tạo gây ảo giác mạnh cho người sử dụng sau một lần dùng thử.	Là mọi loại thuốc y tế có tác dụng giảm đau mạnh nhưng gây lệ thuộc nếu sử dụng quá liều lượng.	B Khoản 1 Điều 2 Luật số 120/2025/QH15
96	Theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025, chất gây nghiện được hiểu là gì?	Là chất hóa học dùng trong công nghiệp để bào chế các loại dung môi hữu cơ dễ bay hơi.	Là các loại thuốc giảm đau thông thường được bán tại các nhà thuốc không cần kê đơn.	Là chất chỉ gây ảo giác và kích thích tâm thần cực mạnh trong thời gian ngắn.	Là chất kích thích hoặc ức chế thần kinh, dễ gây tình trạng nghiện đối với người sử dụng.	D Khoản 2 Điều 2 Luật số 120/2025/QH15

97	Theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025, định nghĩa nào sau đây là đúng về “chất hướng thần”?	Là chất kích thích hoặc ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác, nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện đối với người sử dụng.	Là chất hóa học không gây nghiện nhưng có tác dụng làm thay đổi nhận thức tức thời của con người.	Là sản phẩm được bào chế hoàn toàn từ các loại thảo mộc tự nhiên có tác dụng bồi bổ thần kinh.	Là các chất độc được dùng trong hoạt động kiểm nghiệm kỹ thuật hình sự và giám định tư pháp.	A Khoản 3 Điều 2 Luật số 120/2025/QH15
98	Theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025, khái niệm “Tiền chất” được hiểu như thế nào?	Là hóa chất thường được sử dụng trong quá trình điều chế, sản xuất chất ma túy được quy định trong danh mục tiền chất do chính phủ ban hành.	Là các chất ma túy tự nhiên chưa qua tinh chế hay pha trộn với các hóa chất hữu cơ khác.	Là sản phẩm phụ sinh ra sau khi người sử dụng thực hiện hành vi hút, hít hoặc tiêm chích ma túy.	Là loại cây trồng tự nhiên chứa hàm lượng lớn chất gây nghiện được nông dân trồng phổ biến.	A Khoản 4 Điều 2 Luật số 120/2025/QH15
99	Khái niệm “cây có chứa chất ma túy” theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 bao gồm những loại cây nào?	Tất cả các loại cây thảo mộc hoang dại có chứa độc tố gây ngứa hoặc gây tê liệt thần kinh.	Chỉ gồm cây thuốc phiện và cây cần sa được trồng trái phép tại các vùng núi cao.	cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa và các loại cây khác có chứa chất ma túy do chính phủ quy định.	cây thuốc lá, cây thuốc Lào và các loại cây công nghiệp có chứa chất kích thích nicotin.	C Khoản 5 Điều 2 Luật số 120/2025/QH15
100	Theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025, khái niệm “Tệ nạn ma túy” bao gồm các hành vi nào?	Hành vi tổ chức sản xuất, vận chuyển và mua bán trái phép chất ma túy với quy mô lớn xuyên quốc gia.	Việc sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy và các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.	Hành vi tàng trữ vũ khí quân dụng để bảo vệ các đường dây buôn lậu chất ma túy qua biên giới.	Hành vi lôi kéo người khác tham gia vào các hoạt động mê tín dị đoan tại các cơ sở cai nghiện.	B Khoản 7 Điều 2 Luật số 120/2025/QH15
101	Theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025, “Người sử dụng trái phép chất ma túy” là người có hành vi gì?	Là người có hành vi sử dụng chất ma túy mà không được sự cho phép của người hoặc cơ quan chuyên môn có thẩm quyền và xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể có kết quả dương tính.	Là người bị lệ thuộc hoàn toàn vào chất ma túy và đã có quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc của Tòa án.	Là người thường xuyên tàng trữ ma túy tại nơi ở để bán lại cho học sinh, sinh viên kiếm lời.	Là người có kết quả xét nghiệm âm tính nhưng tự khai báo đã từng dùng thử ma túy trước đây.	A Khoản 9 Điều 2 Luật số 120/2025/QH15

102	Quy trình chuyên môn “Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể” theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 được tiến hành nhằm mục đích gì?	Nhằm phát hiện các bệnh lý truyền nhiễm nguy hiểm như lao, viêm gan B, HIV ở người nghiện ma túy.	Nhằm xác định tỷ lệ thương tật và mức độ tổn hại não bộ do lạm dụng chất ma túy tổng hợp.	Nhằm xác định chất ma túy trong cơ thể thông qua mẫu nước tiểu, mẫu máu hoặc các mẫu vật khác của cơ thể người.	Nhằm truy nguyên chính xác nguồn gốc, xuất xứ của loại ma túy mà người vi phạm đã sử dụng.	C Khoản 10 Điều 2 Luật số 120/2025/QH15
103	Theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025, “Người nghiện ma túy” là người như thế nào?	Là người sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và bị lệ thuộc vào các chất này.	Là người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy một lần duy nhất và đã bị xử phạt hành chính.	Là người bị loạn thần (ngáo đá) và gây mất an ninh trật tự tại địa bàn nơi cư trú.	Là người có nơi cư trú không ổn định và có biểu hiện nghi vấn tàng trữ dụng cụ sử dụng ma túy.	A Khoản 11 Điều 2 Luật số 120/2025/QH15
104	Theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025, “cai nghiện ma túy” là quá trình thực hiện các hoạt động nào?	Bắt giữ, cách ly hoàn toàn người nghiện ma túy tại các trại giam để cải tạo lao động bắt buộc.	Hỗ trợ về y tế, tâm lý, xã hội, giúp người nghiện ma túy dừng sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần; phục hồi thể chất, tinh thần, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi để chấm dứt việc sử dụng trái phép các chất này.	cưỡng chế người nghiện ma túy uống các loại thuốc hướng thần liều cao để xóa bỏ ký ức về ma túy.	Tổ chức cho người nghiện ma túy tự điều trị tại nhà dưới sự giám sát duy nhất của người thân trong gia đình.	B Khoản 12 Điều 2 Luật số 120/2025/QH15
105	Nhà nước ưu tiên nguồn lực phòng, chống ma túy cho những khu vực nào sau đây?	Khu vực đồng bằng sông Hồng và các vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có mật độ dân cư cao.	các thành phố lớn, các khu đô thị sầm uất và các trung tâm công nghiệp lớn của cả nước.	Khu vực biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn phức tạp về ma túy theo quy định của chính phủ.	Khu vực nội nội địa nơi có nhiều trường đại học, cao đẳng và trường trung học chuyên nghiệp.	C Khoản 3 Điều 3 Luật số 120/2025/QH15

106	Theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025, nguồn tài chính cho phòng, chống ma túy bao gồm các nguồn nào?	Duy nhất nguồn ngân sách trung ương cấp phát hằng năm cho Bộ công an để triển khai đấu tranh phòng chống ma túy.	Ngân sách nhà nước; nguồn tài trợ, viện trợ, đầu tư, tặng cho của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; chi trả của người nghiện, gia đình của họ và các nguồn tài chính hợp pháp khác.	Nguồn thu từ việc xử phạt vi phạm hành chính và bán đấu giá các tài sản tịch thu từ tội phạm ma túy.	Nguồn đóng góp bắt buộc của tất cả các doanh nghiệp kinh doanh hóa chất và được phẩm trên cả nước.	B Điều 4 Luật số 120/2025/QH15
107	Hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025?	Trồng cây có chứa chất ma túy, hướng dẫn trồng cây có chứa chất ma túy.	Sử dụng tiền chất ma túy trong công nghiệp theo đúng giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.	Nhập khẩu chất chuẩn ma túy phục vụ hoạt động giám định tư pháp theo quyết định của Bộ công an.	Vận chuyển thuốc thú y có chứa tiền chất ma túy theo đúng giấy phép của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	A Khoản 1 Điều 5 Luật số 120/2025/QH15
108	Hành vi nào sau đây không thuộc các hành vi bị nghiêm cấm theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025?	Kỳ thị người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy.	Sử dụng, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy.	Nghiên cứu, kiểm nghiệm chất ma túy, tiền chất phục vụ công tác quốc phòng, an ninh khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.	Hướng dẫn sản xuất, hướng dẫn sử dụng trái phép chất ma túy; quảng cáo, tiếp thị chất ma túy.	C Điều 5 Luật số 120/2025/QH15
109	Trên cùng một địa bàn, lực lượng nào giữ vai trò chủ trì, phối hợp thực hiện các hoạt động phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm về ma túy?	Lực lượng thanh niên xung phong và dân quân tự vệ địa phương	Đội dân phòng và bảo vệ dân phố của Ủy ban nhân dân xã	Ban giám đốc các doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp	Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc công an nhân dân.	D Khoản 2 Điều 11 Luật số 120/2025/QH15
110	Người sử dụng trái phép chất ma túy bị áp dụng biện pháp quản lý hành chính nhằm mục đích gì?	Đề hạ uy tín và ngăn cản cơ hội thăng tiến nghề nghiệp của người vi phạm.	Phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tái sử dụng trái phép chất ma túy; phòng ngừa người sử dụng trái phép chất ma túy thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.	Đề thu các khoản tiền phạt hành chính nộp vào quỹ phúc lợi.	Ép buộc người vi phạm phải rời khỏi địa phương đi nơi khác làm ăn sinh sống.	B Khoản 1 Điều 24 Luật số 120/2025/QH15

111	Khi phát hiện một hộ dân trồng cây có chứa chất ma túy, công dân có trách nhiệm gì?	cung cấp kịp thời thông tin cho cơ quan công an hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tham gia xóa bỏ cây.	Báo cho chính quyền địa phương khi có căn cứ xác định hành vi vi phạm.	Vận động chủ hộ tự giác phá bỏ diện tích cây đã trồng.	Phối hợp với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, xử lý vi phạm.	A Khoản 4 Điều 6 Luật số 120/2025/QH15
112	Biện pháp giám sát điện tử theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 đượccáp dụng đối với đối tượng nào?	Đối tượng phạm tội buôn bán chất ma túy đang trong thời gian chờ xét xử của Tòa án nhân dân.	Mọi người dân có biểu hiện nghi vấn sử dụng trái phép chất ma túy cư trú tại địa phương.	Người đang cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; người đang điều trị nghiện bằng thuốc thay thế; người đang bị quản lý sau cai nghiện ma túy.	Người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời hạn quản lý 01 năm tại cấp xã.	C Khoản 1 Điều 12 Luật số 120/2025/QH15
113	Ai có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp giám sát điện tử theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025?	Trưởng công an cấp xã nơi lập danh sách quản lý đối tượng.	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng cư trú.	Giám đốc công an cấp tỉnh nơi đối tượng đăng ký thường trú.	Thẩm phán Tòa án nhân dân khu vực giải quyết vụ việc.	A Khoản 2 Điều 12 Luật số 120/2025/QH15
114	Theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025, người bị áp dụng biện pháp giám sát điện tử có nghĩa vụ nào sau đây?	Định kỳ hằng tuần phải tự mang thiết bị đến cơ quan công an cấp tỉnh để kiểm tra kỹ thuật.	Tự trả toàn bộ chi phí mua sắm, bảo dưỡng thiết bị giám sát điện tử do Bộ công an trang cấp.	Không được phép rời khỏi nhà ở dưới mọi hình thức trong suốt thời gian áp dụng biện pháp.	Chấp hành quyết định áp dụng biện pháp giám sát điện tử; không tự ý tháo gỡ, phá hủy hoặc làm rối loạn hoạt động của thiết bị; thông báo ngay cho công an cấp xã khi thiết bị bị hư hỏng.	D Khoản 3 Điều 12 Luật số 120/2025/QH15
115	Thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy là bao lâu theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025?	06 tháng kể từ ngày ra quyết định quản lý.	01 năm kể từ ngày ra quyết định quản lý.	02 năm kể từ ngày ra quyết định quản lý.	03 năm kể từ ngày ra quyết định quản lý.	B Khoản 2 Điều 24 Luật số 120/2025/QH15

116	Theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025, ai có trách nhiệm trực tiếp giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy?	Trưởng công an cấp xã.	Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã.	Trưởng Trạm Y tế cấp xã.	Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã.	A Khoản 4 Điều 24 Luật số 120/2025/QH15
117	Trưởng công an cấp xã ra quyết định dừng quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy trong trường hợp nào sau đây?	Người sử dụng trái phép chất ma túy hoàn thành xong chương trình học tập bổ túc văn hóa.	Người sử dụng trái phép chất ma túy tự viết cam kết không tái sử dụng chất ma túy.	Người sử dụng trái phép chất ma túy chuyển đến làm việc tại một doanh nghiệp ngoài địa bàn.	Người sử dụng trái phép chất ma túy được xác định là người nghiện ma túy; hoặc bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; đưa vào trường giáo dưỡng; thi hành án phạt tù; chết, mất tích; bị tạm giữ, tạm giam mà thời hạn tạm giữ, tạm giam dài hơn thời hạn quản lý còn lại.	D Khoản 5,7 Điều 24 Luật số 120/2025/QH15
118	Đối với người sử dụng trái phép chất ma túy không có nơi cư trú ổn định, sau khi xác định tình trạng nghiện kết luận không nghiện thì cơ quan nào có trách nhiệm quản lý?	Ủy ban nhân dân cấp xã, công an cấp xã nơi phát hiện người sử dụng trái phép và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, công an cấp xã nơi người đó đăng ký thường trú để phối hợp quản lý.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi người đó thực hiện hành vi vi phạm pháp luật lần cuối.	Sở Y tế nơi có cơ sở cai nghiện công lập gần nhất.	Tòa án nhân dân khu vực nơi phát hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.	A Khoản 6 Điều 24 Luật số 120/2025/QH15

119	Theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025, trường hợp người sử dụng trái phép chất ma túy bị tạm giữ, tạm giam thì xử lý việc quản lý thế nào?	Vẫn tiếp tục tính thời gian chấp hành quyết định quản lý bình thường tại cơ sở giam giữ.	Trưởng công an cấp xã ra quyết định tạm đình chỉ quản lý; trường hợp thời hạn tạm giữ, tạm giam dài hơn thời hạn quản lý còn lại thì ra quyết định dừng quản lý.	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định hủy bỏ hoàn toàn quyết định quản lý đã ban hành.	Chuyển giao toàn bộ hồ sơ quản lý cho Giám thị trại tạm giam tiếp tục thực hiện quản lý.	B Khoản 7 Điều 24 Luật số 120/2025/QH15
120	Người sử dụng trái phép chất ma túy có trách nhiệm nào sau đây theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025?	Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về ma túy, hành vi sử dụng của mình cho công an cấp xã nơi cư trú; có mặt theo giấy triệu tập, theo yêu cầu của công an cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật.	Phải tự chi trả toàn bộ kinh phí cho các lần xét nghiệm chất ma túy đột xuất tại cấp xã.	Phải tự giác cách ly tại phòng riêng ở gia đình, không được tiếp xúc với người khác.	Phải định kỳ hằng tháng tự xét nghiệm nước tiểu tại nhà và nộp kết quả cho công an cấp xã.	A Điều 25 Luật số 120/2025/QH15
121	công an cấp xã có trách nhiệm đưa người ra khỏi danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy trong trường hợp nào?	Người bị quản lý có kết quả xét nghiệm âm tính liên tục trong thời gian 03 tháng.	Hết thời gian quản lý theo quy định mà không phát hiện người bị quản lý có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; hoặc thuộc trường hợp dừng quản lý; hoặc chuyển đi cư trú ở địa phương khác.	Người bị quản lý làm đơn xin ra khỏi danh sách có xác nhận của dòng họ hoặc tổ dân phố.	Người bị quản lý tự nguyện tham gia các hoạt động thể thao, văn nghệ quần chúng tại xã.	B Khoản 3 Điều 27 Luật số 120/2025/QH15

122	Hệ thống cơ sở cai nghiện ma túy theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 bao gồm?	cơ sở cai nghiện ma túy công lập; Trường giáo dưỡng đủ điều kiện thực hiện cai nghiện ma túy cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi và cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân.	chỉ bao gồm các cơ sở cai nghiện công lập trực thuộc Sở Y tế quản lý.	chỉ gồm các trung tâm y tế điều trị cắt cơn giải độc đóng tại các bệnh viện đa khoa cấp tỉnh.	các cơ sở giáo dục bắt buộc và các trại giam thuộc Bộ công an quản lý trên toàn quốc.	A Khoản 1 Điều 28 Luật số 120/2025/QH15
123	Thời hạn cai nghiện ma túy đối với người cai nghiện ma túy lần đầu là bao lâu theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025?	24 tháng.	12 tháng.	18 tháng.	36 tháng.	A Khoản 1 Điều 29 Luật số 120/2025/QH15
124	Thời hạn cai nghiện ma túy đối với người cai nghiện ma túy từ lần thứ hai trở lên là bao lâu theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025?	36 tháng.	24 tháng.	48 tháng.	18 tháng.	A Khoản 1 Điều 29 Luật số 120/2025/QH15
125	Quy trình cai nghiện ma túy theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 gồm các giai đoạn nào?	Tiếp nhận bệnh nhân; Sử dụng thuốc an thần; Lao động sản xuất tự cung tự cấp; Tái hòa nhập cộng đồng.	Tiếp nhận, phân loại; Điều trị cắt cơn, giải độc, rối loạn tâm thần; Giáo dục, tư vấn, phục hồi hành vi; Lao động trị liệu, học nghề; chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng.	cưỡng chế cách ly; cắt cơn giải độc bằng thuốc y học cổ truyền; Học nội quy lao động; Viết bản kiểm điểm.	Đăng ký hồ sơ; Khám sức khỏe lâm sàng; cho uống thuốc Methadone thay thế; Tháo thiết bị giám sát điện tử.	B Khoản 2 Điều 29 Luật số 120/2025/QH15
126	Hình thức cai nghiện ma túy theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 bao gồm những hình thức nào?	cai nghiện ma túy tự nguyện và cai nghiện ma túy bắt buộc.	cai nghiện ma túy tại nhà và cai nghiện ma túy tập trung tại trung tâm.	cai nghiện ma túy bằng thuốc thay thế và cai nghiện ma túy không dùng thuốc.	cai nghiện ma túy hành chính và cai nghiện ma túy hình sự cưỡng chế.	A Điều 30 Luật số 120/2025/QH15
127	Người tự nguyện xác định tình trạng nghiện ma túy sau khi nhận kết quả xác định mình đã nghiện ma túy thì có trách nhiệm gì?	Đăng ký cai nghiện tự nguyện hoặc đăng ký điều trị nghiện bằng thuốc thay thế với công an cấp xã nơi cư trú.	Lập tức bỏ trốn khỏi địa phương, cắt đứt liên lạc với gia đình để lánh nạn.	Khiếu nại đòi cơ sở y tế bồi thường thiệt hại danh dự bằng tiền mặt vì kết luận sai.	Tiếp tục rù rê thêm nhiều người khác cùng tham gia sử dụng ma túy chung cho đỡ buồn.	A Khoản 6 Điều 31 Luật số 120/2025/QH15

128	Cai nghiện ma túy bắt buộc bao gồm những loại hình nào theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025?	Cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện công lập cho người từ đủ 18 tuổi trở lên; cai nghiện bắt buộc tại trường giáo dưỡng, cơ sở công lập đủ điều kiện thực hiện cho người từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi.	Cai nghiện bắt buộc tại gia đình có phòng riêng biệt kiên cố dưới sự giám sát chặt chẽ của lực lượng dân phòng.	Cưỡng chế cách ly tại các trung tâm giáo dưỡng xã hội tư nhân có giấy phép hoạt động của công an tỉnh.	Đưa vào khu quản lý cách ly đặc biệt của các trại giam cấp tỉnh để lao động cải tạo trong thời hạn 24 tháng.	A Khoản 2 Điều 30 Luật số 120/2025/QH15
129	Việc xác định tình trạng nghiện ma túy được thực hiện đối với người thuộc trường hợp nào sau đây?	Người tự nguyện xác định; Người đăng ký cai nghiện tự nguyện mà chưa có kết quả xác định hoặc kết quả xác định đã quá hạn 06 tháng.	Người đang trong thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy không thuộc trường hợp bị xử lý hình sự; Người đang trong thời hạn quản lý sau cai bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy không thuộc trường hợp bị xử lý hình sự.	Người sử dụng trái phép chất ma túy không cư trú ổn định.	Các phương án đều đúng	D Khoản 1 Điều 31 Luật số 120/2025/QH15
130	Theo Luật Phòng, chống ma túy 2025, ai có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị cơ sở y tế có thẩm quyền xác định tình trạng nghiện ma túy?	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đang thường trú hoặc tạm trú.	công an cấp xã nơi phát hiện người thuộc các trường hợp cần xác định tình trạng nghiện ma túy.	Trưởng Trạm Y tế cấp xã nơi phát hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.	Thẩm phán Tòa án nhân dân khu vực thụ lý hồ sơ vụ việc của đối tượng.	B Khoản 2 Điều 31 Luật số 120/2025/QH15
131	Người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy có quyền lợi nào sau đây?	Được tự ý rời khỏi cơ sở y tế xác định tình trạng nghiện nếu thấy thời gian chờ đợi quá lâu.	Được miễn trừ hoàn toàn trách nhiệm hành chính và hình sự đối với cá nhân vi phạm pháp luật trước đó.	Được bảo đảm danh dự, nhân phẩm; hỗ trợ đi lại, ăn ở, điều trị hội chứng cai và các bệnh kèm theo trong thời gian xác định tình trạng nghiện.	Được yêu cầu cơ sở y tế giữ kín thông tin xét nghiệm đối với cả cơ quan lập hồ sơ đề nghị.	C Khoản 5 Điều 31 Luật số 120/2025/QH15

132	Khi phát hiện một vụ vi phạm pháp luật về ma túy liên quan đến nhiệm vụ của nhiều cơ quan trên cùng địa bàn, nguyên tắc xử lý là gì?	cơ quan nào có đồng quân số hơn thì mặc định được quyền giải quyết toàn bộ vụ việc	cơ quan phát hiện trước xử lý theo thẩm quyền; nếu không thuộc thẩm quyền thì chuyển giao hồ sơ, người, tang vật cho cơ quan có thẩm quyền	các lực lượng tranh chấp quyền giải quyết tại hiện trường cho đến khi có lệnh cấp tỉnh	Hủy bỏ hồ sơ vụ việc nếu thấy quy trình phối hợp mất quá nhiều thời gian	B Khoản 4 Điều 11 Luật số 120/2025/QH15
133	Cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng là việc người nghiện thực hiện hoạt động gì dưới sự quản lý của ai?	Đăng ký cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng với sự hỗ trợ chuyên môn của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy, sự giúp đỡ của gia đình, cộng đồng và sự quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã, công an cấp xã.	Tự rèn luyện thể chất và tự mua thuốc cắt cơn về điều trị tại phòng riêng biệt không cần khai báo với chính quyền.	Uống thuốc Methadone thay thế hằng ngày tại trạm y tế dưới sự quản lý trực tiếp của công chức tư pháp cấp xã.	Cách ly hoàn toàn tại một cơ sở tôn giáo tự nguyện dưới sự quản lý trực tiếp của các chức sắc tôn giáo.	A Khoản 1 Điều 32 Luật số 120/2025/QH15
134	Thời hạn cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng được tính từ khi nào đối với trường hợp hoàn thành đầy đủ quy trình?	Tính từ ngày người cai nghiện tự viết đơn xin đi cai nghiện gửi Trưởng công an cấp xã.	Tính từ ngày công an cấp xã lập biên bản tiếp nhận đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện.	Tính từ ngày người cai nghiện uống liều thuốc cắt cơn, giải độc đầu tiên tại gia đình.	Tính từ ngày chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký quyết định phê duyệt kế hoạch cai nghiện.	B Điểm A Khoản 2 Điều 32 Luật số 120/2025/QH15
135	Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng có trách nhiệm nào sau đây?	Hằng ngày phải có mặt tại trụ sở công an cấp xã để thực hiện xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể.	Phải tự chi trả 100% kinh phí lắp đặt và bảo dưỡng thiết bị giám sát điện tử đeo trên cơ thể.	Đăng ký cai nghiện tự nguyện với công an cấp xã và cam kết bằng văn bản về việc chấp hành nghiêm chỉnh các biện pháp quản lý, giám sát.	Không được phép tham gia bất kỳ hoạt động lao động sản xuất hay học tập nào ngoài phạm vi gia đình.	C Khoản 4 Điều 32 Luật số 120/2025/QH15

136	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm nào sau đây đối với công tác cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng?	Trang cấp thiết bị giám sát điện tử cho tất cả người dân đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh.	Trực tiếp phê duyệt kế hoạch cai nghiện chi tiết của từng người nghiện cư trú trên địa bàn tỉnh.	Ký quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với tất cả người nghiện tự ý chấm dứt hợp đồng dịch vụ.	Giao nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền cung cấp dịch vụ cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; bố trí kinh phí hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.	D Khoản 7 Điều 32 Luật số 120/2025/QH15
137	Thời hạn cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện tư nhân được tính kể từ ngày nào?	Kể từ ngày cơ sở cai nghiện ma túy lập biên bản tiếp nhận người cai nghiện.	Kể từ ngày người cai nghiện nộp đủ 100% chi phí sử dụng dịch vụ cho cơ sở tư nhân.	Kể từ ngày công an cấp xã ra quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cấp xã.	Kể từ ngày người cai nghiện hoàn thành xong giai đoạn điều trị cắt cơn, giải độc tối thiểu 10 ngày.	A Khoản 2 Điều 33 Luật số 120/2025/QH15
138	Trường hợp người cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân chỉ hoàn thành 03 giai đoạn đầu của quy trình cai nghiện, thời gian, quy trình còn lại quy định tiếp tục thực hiện tại gia đình, cộng đồng thì được cấp giấy tờ gì?	Được cơ sở cai nghiện cấp giấy xác nhận thời gian, quy trình đã thực hiện sau đó người cai nghiện ma túy phải đến trình diện, nộp giấy xác nhận và đăng ký tiếp tục cai nghiện tại gia đình, cộng đồng với công an cấp xã	Được chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận đã hoàn thành xong biện pháp xử lý hành chính.	Được Trưởng phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy công an cấp tỉnh cấp giấy xác nhận không còn nghiện.	Được Thẩm phán Tòa án nhân dân khu vực cấp quyết định miễn áp dụng biện pháp đưa đi cai bắt buộc.	A Khoản 4 Điều 33 Luật số 120/2025/QH15

139	Trường hợp người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện tự nhân tự ý chấm dứt cai nghiện thì xử lý như thế nào theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025?	Trưởng công an cấp xã ra quyết định phạt tù đối với người cai nghiện về hành vi trốn tránh cai nghiện.	cơ sở tư nhân ra quyết định cưỡng chế cách ly đối tượng tại phòng biệt giam trong thời hạn tối đa 07 ngày.	Người đứng đầu cơ sở ký quyết định phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với người vi phạm.	Trong thời hạn 24 giờ, cơ sở cai nghiện tư nhân thông báo và phối hợp với công an cấp xã nơi người cai nghiện cư trú để lập hồ sơ đề nghị đưa đi cai nghiện ma túy bắt buộc.	D Khoản 5 Điều 33 Luật số 120/2025/QH15
140	Hồ sơ đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở công lập, trường giáo dưỡng bao gồm giấy tờ nào sau đây?	Bản tường trình quá trình sử dụng ma túy có chữ ký xác nhận của tất cả các thành viên trong Tổ quản lý cấp xã.	Sổ đăng ký tạm trú tạm vắng; Giấy khai sinh bản chính; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của công an huyện.	Lý lịch; Đơn xin đi cai nghiện tự nguyện (<i>trường hợp người nghiện ma túy chưa đủ 18 tuổi thì phải có ý kiến của cha, mẹ, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp của họ</i>); Xác nhận tình trạng nghiện ma túy của cơ sở y tế có thẩm quyền hoặc xác nhận của cơ sở đang điều trị nghiện bằng thuốc thay thế; Văn bản của Trưởng công an xã đề nghị và các tài liệu liên quan.	Hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện có đóng dấu đỏ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.	C Khoản 2 Điều 34 Luật số 120/2025/QH15

141	Biện pháp xử lý thế nào đối với người đang được hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện ma túy mà có tình bỏ trốn?	chờ khi hết thời hạn hoãn mới tiến hành lập lại hồ sơ từ đầu theo quy trình	Tòa án nhân dân khu vực hoặc Giám đốc công an cấp tỉnh đã ra quyết định hoãn/tạm đình chỉ hủy quyết định đó và ra quyết định buộc chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc	Phát lệnh truy nã hình sự đặc biệt nguy hiểm và tịch thu toàn bộ tài sản của gia đình	Đình chỉ công tác của Trưởng công an xã vì lỗi quản lý lỏng lẻo để đối tượng trốn	B Khoản 6 Điều 39 Luật số 120/2025/QH15
142	Trường hợp nào sau đây KHÔNG áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện từ đủ 18 tuổi trở lên?	Người không có năng lực trách nhiệm hành chính; Phụ nữ mang thai có chứng nhận y tế; Người duy nhất nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được UBND xã xác nhận.	Người lao động hợp đồng tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập có hành vi vi phạm nội quy lao động.	Người nghiện ma túy có nơi cư trú không ổn định tự ý bỏ bỏ trốn trong thời gian lập hồ sơ đề nghị đưa đi cai.	Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên có tiền án về các tội phạm xâm phạm sở hữu hoặc tính mạng sức khỏe.	A Khoản 2 Điều 35 Luật số 120/2025/QH15

143	Thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện từ đủ 18 tuổi trở lên là bao lâu?	03 tháng kể từ ngày người nghiện thực hiện hành vi vi phạm pháp luật lần cuối quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật PCMT năm 2025; trường hợp người nghiện ma túy có tình trốn tránh, cản trở việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc thì thời hiệu được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở đó.	06 tháng kể từ ngày người nghiện thực hiện hành vi vi phạm pháp luật lần cuối khoản 1 Điều 35 Luật PCMT năm 2025; trường hợp người nghiện ma túy có tình trốn tránh, cản trở việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc thì thời hiệu được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở đó.	12 tháng kể từ ngày người nghiện thực hiện hành vi vi phạm pháp luật lần cuối khoản 1 Điều 35 Luật PCMT năm 2025; trường hợp người nghiện ma túy có tình trốn tránh, cản trở việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc thì thời hiệu được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở đó.	01 tháng kể từ ngày người nghiện thực hiện hành vi vi phạm pháp luật lần cuối khoản 1 Điều 35 Luật PCMT năm 2025; trường hợp người nghiện ma túy có tình trốn tránh, cản trở việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc thì thời hiệu được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở đó.	A Khoản 4 Điều 35 Luật số 120/2025/QH15
144	Người sau khi hoàn thành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cơ sở công lập, khi về địa phương sẽ chịu biện pháp quản lý nào tiếp theo?	Bị cấm không được phép bước chân ra khỏi nhà trong thời gian 01 năm đầu tiên	Bị tịch thu toàn bộ phương tiện đi lại và không được phép tìm kiếm việc làm	Quản lý sau cai nghiện ma túy tại địa phương theo quy định của Luật.	Được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp đất xây nhà và cấp lương miễn phí trọn đời.	C Điều 24; Điều 42 Luật số 120/2025/QH15
145	Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi gồm những tài liệu nào?	Hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện có chữ ký xác nhận của đại diện gia đình.	Học bạ THCS hoặc THPT; Sổ hộ khẩu bản chính; Quyết định xử lý kỷ luật của Ban Giám hiệu nhà trường.	cam kết bằng văn bản về việc tự nguyện chấp hành nghiêm chỉnh biện pháp đeo thiết bị giám sát điện tử.	Tóm tắt lý lịch; Biên bản vi phạm; Xác nhận tình trạng nghiện; Bản tường trình; Bản ý kiến của cha mẹ/giám hộ; Văn bản đề nghị của công an xã; các tài liệu liên quan.	D Khoản 2 Điều 36 Luật số 120/2025/QH15

146	Người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi thực hiện việc cai nghiện bắt buộc tại cơ sở nào?	Tại trường giáo dưỡng hoặc cơ sở cai nghiện ma túy công lập đáp ứng đủ điều kiện thực hiện cai nghiện cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi.	Tại khu quản lý riêng biệt biệt lập của các trại tạm giam trực thuộc công an tỉnh đóng trên địa bàn.	Tại các cơ sở cai nghiện tự nguyện tư nhân do các tổ chức tôn giáo thành lập và trực tiếp quản lý.	Tại các trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc các cơ sở bảo trợ xã hội đóng tại địa phương.	A Khoản 4 Điều 36 Luật số 120/2025/QH15
147	Thời hạn đưa đi cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi do cơ quan nào quyết định?	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định.	Tòa án nhân dân khu vực xem xét, quyết định.	Giám đốc công an cấp tỉnh ra quyết định	Trưởng Công an cấp xã nơi lập hồ sơ đề nghị ra quyết định.	B Khoản 8 Điều 36 Luật số 120/2025/QH15
148	Người nghiện từ đủ 18 tuổi trở lên đang tiến hành cai nghiện tự nguyện bị đưa đi cai nghiện bắt buộc trong trường hợp nào?	Không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện.	chấp hành tốt nội quy và hoàn thành xuất sắc quy trình cai nghiện tại nhà	Được công an xã đưa ra khỏi danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy.	Đăng ký, thực hiện nghiêm túc quá trình cai nghiện tự nguyện.	A Điểm A Khoản 1 Điều 35 Luật số 120/2025/QH15
149	Ma túy tang vật thu giữ được trong các vụ án hình sự, vi phạm hành chính sẽ được xử lý ra sao?	Được thanh lý hóa giá bán lấy tiền nộp vào quỹ phúc lợi địa phương.	Xử lý theo quy định của pháp luật về tổ tụng hình sự, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.	Giao cho các công ty hóa chất đem về tái chế thành nước clau sản bán ra thị trường.	cấp phát miễn phí cho người dân vùng cao sử dụng thay thế thuốc giảm đau.	B Điều 22 Luật số 120/2025/QH15
150	Trách nhiệm của cá nhân, gia đình và cộng đồng trong công tác cai nghiện được quy định thế nào theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025?	Giấu kín tình trạng nghiện của người thân để bảo vệ uy tín gia đình.	Hợp tác với cơ quan chức năng; tham gia hỗ trợ hoạt động cai nghiện, quản lý sau cai nghiện, giúp hòa nhập cộng đồng.	Yêu cầu công an cách ly vĩnh viễn người sau cai nghiện ra khỏi khu phố.	Tự xích chân người nghiện vào cột nhà để họ tự bỏ thuốc tại nhà.	B Khoản 3 Điều 6 Luật 120/2025/QH15

151	Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể (như công đoàn) trong công tác cai nghiện ma túy tại địa phương là gì?	Đưa người nghiện ma túy đến cơ sở cai nghiện ma túy công lập.	Tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống ma túy; Phối hợp vận động người nghiện thực hiện biện pháp cai nghiện, điều trị nghiện; quản lý người sử dụng; tham gia cảm hóa, giáo dục, dạy nghề, giúp đỡ người sau cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng.	Giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống ma túy tại địa phương.	Lập danh sách quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy tại địa phương.	B Khoản 3 Điều 10 Luật số 120/2025/QH15
152	Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể có thể được thực hiện thông qua mẫu nào?	chỉ mẫu tóc	chỉ mẫu nước bọt	chỉ mẫu máu	Mẫu nước tiểu, mẫu máu hoặc mẫu vật khác của cơ thể người.	D Khoản 10 Điều 2 Luật số 120/2025/QH15
153	Cá nhân, gia đình và cộng đồng có trách nhiệm như thế nào trong công tác phòng, chống ma túy?	chỉ báo tin cho cơ quan công an khi có yêu cầu.	chỉ quản lý người nghiện trong gia đình.	Tự xử lý mọi vụ việc về ma túy.	Tuyên truyền, giáo dục về tác hại của ma túy; quản lý, ngăn chặn thành viên vi phạm và phối hợp với cơ quan chức năng trong đấu tranh với tội phạm và tệ nạn ma túy...	D Điều 6 Luật số 120/2025/QH15

154	Tại công ty X, Trưởng phòng Nhân sự phát hiện người lao động A có kết quả xét nghiệm dương tính với chất ma túy và đang bị cơ quan công an ra quyết định áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy. Theo quy định tại Luật Phòng, chống ma túy năm 2025, công ty X (nơi người lao động làm việc) có trách nhiệm nào sau đây?	Sa thải ngay lập tức người lao động và công khai thông tin cá nhân để làm gương cho cán bộ nhân viên trong công ty.	Động viên, giúp đỡ, giáo dục người lao động; ngăn chặn hành vi tái sử dụng ma túy của người lao động; phối hợp với gia đình, cơ quan chức năng trong quá trình quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy.	Tự ra quyết định tạm giữ người lao động tại trụ sở công ty cho đến khi người đó hoàn thành thời hạn quản lý 01 năm.	Lập tức chuyển toàn bộ hồ sơ lao động sang Tòa án nhân dân cấp tỉnh để yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự.	B Khoản 2 Điều 26 Luật số 120/2025/QH15
155	Qua xác minh, anh T lần đầu được xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể và hành vi của anh T chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Theo quy định pháp luật, anh T sẽ bị áp dụng biện pháp nào và thời hạn áp dụng là bao lâu?	Áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, đặc khu với thời hạn là 06 tháng.	Áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy với thời hạn là 01 năm.	Áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện ma túy bắt buộc với thời hạn là 24 tháng.	Áp dụng biện pháp xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền và buộc đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội trong 02 năm.	B Điều 24 Luật số 120/2025/QH15

156	Do đây là lần đầu tiên xác định nghiện và được gia đình động viên, anh B đã chủ động làm đơn gửi công an cấp xã để đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng. Theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025, thời hạn cai nghiện ma túy đối với trường hợp cai nghiện lần đầu như anh B được quy định là bao nhiêu tháng?	Thời hạn cai nghiện ma túy là 06 tháng kể từ ngày công an cấp xã lập biên bản tiếp nhận đăng ký cai nghiện ma túy.	Thời hạn cai nghiện ma túy là 12 tháng kể từ ngày công an cấp xã lập biên bản tiếp nhận đăng ký cai nghiện ma túy.	Thời hạn cai nghiện ma túy là 24 tháng kể từ ngày công an cấp xã lập biên bản tiếp nhận đăng ký cai nghiện ma túy.	Thời hạn cai nghiện ma túy là 36 tháng kể từ công an cấp xã lập biên bản tiếp nhận đăng ký cai nghiện ma túy.	C Khoản 1 Điều 29 Luật số 120/2025/QH15
157	Nhằm bảo đảm thiết bị giám sát hoạt động ổn định, anh cường có nghĩa vụ chấp hành quy định nào sau đây?	Phải tự chi trả toàn bộ chi phí mua sắm thiết bị giám sát điện tử cho cơ quan công an.	Phải đến trình diện trụ sở công an cấp xã định kỳ 02 ngày một lần để kiểm tra thiết bị.	Không được phép đi ra khỏi nhà nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.	Không được tự ý tháo gỡ, phá hủy hoặc có tác động gây rối loạn hoạt động của thiết bị.	D Khoản 3 Điều 12 Luật số 120/2025/QH15
158	Gia đình bà Mai nghi ngờ con trai mình (19 tuổi) có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy do thường xuyên đi đêm, sút cân nhanh, giao lưu với các đối tượng “giang hồ” có tiền sử sử dụng trái phép chất ma túy và có biểu hiện tâm lý thất thường. Theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025, gia đình bà Mai có trách nhiệm pháp lý nào dưới đây để hỗ trợ cơ quan chức năng ngăn chặn nguy cơ tệ nạn ma túy?	Quản lý, giáo dục và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền đưa con trai đi xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể.	Tự mua dụng cụ và tiến hành cưỡng chế cách ly con tại nhà mà không cần thông báo chính quyền.	Giữ bí mật thông tin gia đình và tự theo dõi cho đến khi con trai tự chấm dứt sử dụng.	Yêu cầu Tòa án nhân dân ra quyết định tước quyền thừa kế đối với con trai.	A Điều 26 Luật số 120/2025/QH15

159	Thời hạn công an cấp xã tổ chức đưa người phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa đi cai bắt buộc đến cơ sở cai nghiện là bao lâu?	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được quyết định giao cơ sở tiếp nhận.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được quyết định giao cơ sở tiếp nhận.	Trong thời hạn 48 giờ kể từ khi nhận được quyết định giao cơ sở tiếp nhận.	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định giao cơ sở tiếp nhận.	B Khoản 1 Điều 107 NĐ 163/2026/NĐ-cP
160	Đối tượng nào được đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội sau khi chấp hành xong quyết định đưa đi cai bắt buộc?	Tất cả mọi đối tượng hoàn thành xong biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện công lập.	Người từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi không có nơi cư trú ổn định; Người từ đủ 18 tuổi trở lên không xác định được nơi cư trú và không còn khả năng lao động.	Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng tự ý chấm dứt việc sử dụng hợp đồng dịch vụ.	Người lao động hợp đồng tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc.	B Khoản 1 Điều 124 NĐ 163/2026/NĐ-cP
161	Khi người cai nghiện bắt buộc có người thân chết (bố, mẹ (gồm cả bên vợ và chồng), vợ hoặc chồng, con), thời gian về chịu tang tối đa là bao lâu?	Tối đa là 03 ngày (bao gồm cả thời gian đi đường) và không được tính vào thời hạn chấp hành quyết định.	Tối đa là 05 ngày (không bao gồm thời gian đi đường) và được tính vào thời hạn chấp hành quyết định.	Tối đa là 07 ngày (không bao gồm thời gian đi đường) và phải chấp hành bù lại thời gian đã nghỉ.	Tối đa là 10 ngày (bao gồm cả thời gian đi đường) và được miễn hoàn toàn phần thời gian chấp hành còn lại.	B Khoản 1 Điều 121 NĐ 163/2026/NĐ-cP
162	Trách nhiệm của Giám đốc công an cấp tỉnh trong việc ra quyết định truy tìm người nghiện bỏ trốn áp dụng đối với đối tượng nào?	Người phải chấp hành quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc nhưng bỏ trốn trước khi đưa đến cơ sở cai nghiện công lập, trường giáo dưỡng.	Người đang cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy tự nhân tự ý rời khỏi cơ sở từ 02 ngày làm việc trở lên.	Người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời hạn quản lý 01 năm vắng mặt không khai báo tạm vắng.	Người nghiện đang được quản lý trong thời gian lập hồ sơ, người đang cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện, trường giáo dưỡng bỏ trốn.	A Khoản 1 Điều 109 NĐ 163/2026/NĐ-cP
163	Trách nhiệm ra quyết định truy tìm đối với người đang cai bắt buộc bỏ trốn khỏi cơ sở công lập, trường giáo dưỡng thuộc về?	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.	Giám đốc Công an cấp tỉnh nơi cơ sở cai nghiện ma túy, trường giáo dưỡng đặt trụ sở chính.	Trưởng công an cấp xã nơi đối tượng có đăng ký thường trú hoặc tạm trú ổn định.	Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy công lập, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng.	D Khoản 2 Điều 109 NĐ 163/2026/NĐ-cP

164	Nghị định số 163/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành nội dung nào của Luật?	Quy định về việc thành lập Hội đồng xét xử đối với người nghiện từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi đi cai nghiện bắt buộc.	Chỉ quy định về các biện pháp hình sự cưỡng chế đối với tội phạm mua bán trái phép chất ma túy qua biên giới.	Chỉ hướng dẫn việc cấp phép sản xuất, kinh doanh các loại hóa chất công nghiệp cực độc có chứa thành phần hướng thần.	Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Phòng, chống ma túy về phối hợp lực lượng; kiểm soát hoạt động hợp pháp; biện pháp giám sát điện tử; quản lý người sử dụng trái phép; cai nghiện và quản lý sau cai.	D Điều 1 NĐ 163/2026/NĐ-cP
165	Mức hỗ trợ một lần kinh phí cai nghiện đối với người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện tư nhân khi hoàn thành ít nhất 03 giai đoạn là bao nhiêu?	Mức tối thiểu bằng mức lương cơ sở hiện hành tại thời điểm hoàn thành.	Cố định là 5.000.000 đồng đối với tất cả các đối tượng cai nghiện trên toàn quốc.	Mức tối đa bằng 0,8 lần mức lương cơ sở hiện hành nhân với số tháng thực tế cai nghiện.	Tùy thuộc vào mức độ đóng góp kinh phí của gia đình người nghiện cho cơ sở cai nghiện.	A Khoản 1 Điều 131 NĐ 163/2026/NĐ-cP
166	Thiết bị giám sát điện tử sử dụng trong công tác giám sát người cai nghiện tự nguyện, điều trị thuốc thay thế, quản lý sau cai do cơ quan nào trang cấp?	Do chính phủ trang cấp.	Do Bộ công an trang cấp, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.	Do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tự mua sắm bằng nguồn ngân sách địa phương.	Do cơ sở y tế có thẩm quyền tự chế tạo và cấp phát cho người bị quản lý.	B Điều 14 NĐ 163/2026/NĐ-cP
167	Thời hạn áp dụng biện pháp giám sát điện tử đối với người đang điều trị nghiện bằng thuốc thay thế từ đủ 18 tuổi trở lên là bao lâu?	01 năm kể từ ngày quyết định áp dụng có hiệu lực thi hành.	02 năm kể từ ngày quyết định áp dụng giám sát có hiệu lực thi hành.	Trong suốt thời gian điều trị bằng thuốc thay thế tại cơ sở y tế.	06 tháng kể từ ngày quyết định áp dụng có hiệu lực thi hành.	B Điểm B Khoản 1 Điều 15 NĐ 163/2026/NĐ-cP

168	Thời hạn áp dụng giám sát điện tử đối với người từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi (cai nghiện tự nguyện, điều trị thuốc thay thế, quản lý sau cai) có nơi cư trú ổn định khi được cha mẹ, người giám hộ đề nghị là bao lâu?	06 tháng kể từ ngày quyết định có hiệu lực thi hành và không được phép xin gia hạn thêm thời gian áp dụng.	có định là 02 năm kể từ ngày quyết định có hiệu lực thi hành và không phụ thuộc vào thời gian cai nghiện tự nguyện còn lại.	Trong toàn bộ thời gian cho đến khi đối tượng chấp hành xong hoặc bước sang tuổi trưởng thành tròn đủ 18 tuổi.	01 năm kể từ ngày quyết định có hiệu lực hoặc đến khi hết thời hạn cai nghiện tự nguyện, điều trị, quản lý sau cai nếu thời gian còn lại ít hơn 01 năm.	D Điểm A Khoản 2 Điều 15 NĐ 163/2026/NĐ-cP
169	Thời hạn Trường công an cấp xã phải ra quyết định áp dụng biện pháp giám sát điện tử đối với người đăng ký cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng là bao lâu?	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi công an cấp xã ra quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi công an cấp xã ra quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.	Trong thời hạn 48 giờ kể từ khi nhận đủ đơn đăng ký tự nguyện hợp lệ của người nghiện.	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định quản lý sau cai nghiện.	A Điểm A Khoản 2 Điều 16 NĐ 163/2026/NĐ-cP
170	Trong thời hạn bao lâu kể từ khi quyết định áp dụng giám sát điện tử có hiệu lực, cán bộ công an cấp xã được giao nhiệm vụ phải tiến hành đo thiết bị lên cơ thể người bị giám sát?	Trong thời hạn 12 giờ.	Trong thời hạn 24 giờ.	Trong thời hạn 48 giờ.	Trong thời hạn 03 ngày làm việc.	B Khoản 1 Điều 17 NĐ 163/2026/NĐ-cP
171	Trường hợp nào sau đây người bị giám sát điện tử KHÔNG được phép tháo tạm thời thiết bị giám sát điện tử?	Đi ra ngoài lãnh thổ Việt Nam bằng đường hàng không hoặc đi ra ngoài lãnh thổ Việt Nam từ 07 ngày trở lên.	Vì mục đích khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.	Tự ý tháo thiết bị để tham gia các giải thi đấu thể dục, thể thao quần chúng diễn ra tại địa phương.	Bị tạm giữ hình sự, tạm giam theo quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.	C Khoản 1 Điều 19 NĐ 163/2026/NĐ-cP
172	Người bị giám sát điện tử có thể làm đơn đề nghị công an cấp xã thay đổi vị trí đeo thiết bị giám sát điện tử khi đáp ứng điều kiện nào?	Thời gian đeo thiết bị tại một vị trí đã từ đủ 01 tháng trở lên hoặc có yêu cầu của cơ sở khám chữa bệnh.	Thời gian đeo thiết bị tại một vị trí đã từ đủ 15 ngày trở lên và có kết quả xét nghiệm nước tiểu âm tính.	có sự đồng ý bằng văn bản của Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố nơi người bị quản lý cư trú.	Người bị giám sát có biểu hiện loét da nhẹ tại vị trí đeo đủ thời gian đeo chưa đủ 05 ngày.	A Khoản 3 Điều 19 NĐ 163/2026/NĐ-cP

173	Trưởng công an cấp xã ra quyết định tạm dừng áp dụng biện pháp giám sát điện tử trong trường hợp nào?	Người bị giám sát làm đơn xin tạm dừng để đi làm việc xa nhà dưới 15 ngày có xác nhận của doanh nghiệp.	Người bị giám sát có kết quả xét nghiệm nước tiểu âm tính liên tục trong thời gian 03 tháng chấp hành biện pháp.	Người bị giám sát điện tử phải chấp hành án phạt tù hoặc phải thi hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng.	Người bị giám sát tự ý tháo thiết bị để tham gia hoạt động cứu hộ, cứu nạn khẩn cấp tại địa phương.	C Khoản 1 Điều 20 NĐ 163/2026/NĐ-cP
174	Thời gian thực hiện quyết định áp dụng giám sát điện tử là bao lâu thì người bị áp dụng từ đủ 18 tuổi trở lên được Trưởng công an cấp xã xem xét miễn áp dụng biện pháp giám sát điện tử thời gian còn lại?	Sau khi thực hiện quyết định áp dụng biện pháp giám sát điện tử được 06 tháng.	Sau khi thực hiện quyết định áp dụng biện pháp giám sát điện tử được 01 năm và không có hành vi vi phạm quy định về giám sát điện tử.	Sau khi thực hiện quyết định áp dụng biện pháp giám sát điện tử được 18 tháng.	Sau khi thực hiện quyết định áp dụng biện pháp giám sát điện tử được 09 tháng.	B Điểm A Khoản 3 Điều 20 NĐ 163/2026/NĐ-cP
175	Khu vực nào phải được bố trí tại cơ sở cai nghiện công lập?	Khu y tế và điều trị cắt cơn.	Khu vui chơi, giải trí.	Khu học tập, làm việc.	Khu vực chỗ bơi, sân bóng đá.	A Điều 66 NĐ 163/2026/NĐ-cP
176	Khi người bị giám sát điện tử thay đổi nơi cư trú, công an cấp xã nơi chuyển đi bàn giao việc giám sát cho công an cấp xã nơi chuyển đến trong thời hạn bao lâu?	Trong thời hạn 12 giờ kể từ thời điểm hoàn thành thủ tục thay đổi nơi cư trú.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm hoàn thành thủ tục thay đổi nơi cư trú.	Trong thời hạn 48 giờ kể từ thời điểm hoàn thành thủ tục thay đổi nơi cư trú.	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ thời điểm hoàn thành thủ tục thay đổi nơi cư trú.	B Khoản 2 Điều 21 NĐ 163/2026/NĐ-cP
177	Hành vi nào sau đây được xác định là vi phạm quy định về giám sát điện tử theo Nghị định 163/2026/NĐ-CP?	Khai báo trung thực sự có hồng thiết bị giám sát trong vòng 12 giờ kể từ khi phát hiện sự cố xảy ra.	Đề nghị công an cấp xã tháo tạm thời thiết bị giám sát để đi chữa bệnh hiểm nghèo tại bệnh viện tỉnh.	Có ý để thiết bị giám sát điện tử hết pin trong thời hạn 24 giờ mà không có lý do chính đáng.	Làm đơn đề nghị thay đổi vị trí đeo thiết bị sau khi đã đeo liên tục ở một vị trí được 45 ngày.	C Điểm D Khoản 1 Điều 24 NĐ 163/2026/NĐ-cP

178	Đối với hành vi không chấp hành việc đeo hoặc tự ý tháo thiết bị giám sát điện tử lần đầu, hình thức xử lý được thực hiện như thế nào?	Bị lập biên bản vi phạm và tổ chức nhắc nhở.	Bị ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền ngay lập tức.	Lập biên bản vi phạm và lập hồ sơ đề nghị đưa đi cai nghiện bắt buộc ngay trong ngày.	Đưa đối tượng vào phòng quản lý cách ly riêng tại cơ sở công lập trong thời hạn 07 ngày.	A Khoản 3 Điều 25 NĐ 163/2026/NĐ-cP
179	Người cai nghiện tự nguyện tại cơ sở công lập, trường giáo dưỡng được hỗ trợ theo hướng nào?	Không có chế độ.	Tự chi trả toàn bộ.	Chỉ được hỗ trợ thuốc.	Được Nhà nước bảo đảm chế độ như người bị áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc hoặc biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng theo quy định.	D Điều 131 NĐ 163/2026/NĐ-cP
180	Giấy phép vận chuyển chất ma túy, tiền chất do Bộ Công an cấp có giá trị trong thời hạn ghi trên giấy phép nhưng không quá bao lâu?	Không quá 03 tháng.	Không quá 06 tháng.	Không quá 12 tháng.	Không quá 24 tháng.	B Khoản 3 Điều 31 NĐ 163/2026/NĐ-cP
181	Nếu người bị quản lý sau cai vắng mặt tại nơi cư trú mà không báo cáo công an cấp xã thì thời gian vắng mặt được xử lý thế nào?	Được miễn quản lý.	Được tính gấp đôi.	Được tự động trừ vào thời hạn quản lý.	Không được trừ vào thời hạn quản lý.	D Điểm A Khoản 1 Điều 136 NĐ 163/2026/NĐ-cP
182	Nguyên tắc nào sau đây là nguyên tắc xem xét, quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi?	Tiến hành công khai danh tính, hình ảnh và hồ sơ bệnh án của người bị đề nghị trên các phương tiện thông tin đại chúng.	Bảo đảm lợi ích tốt nhất của người bị đề nghị; bảo đảm thủ tục thân thiện, phù hợp với tâm lý, giới, lứa tuổi, mức độ trưởng thành, nhận thức.	Tòa án chỉ xem xét, quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc khi có sự đồng ý hoàn toàn của người bị đề nghị bằng văn bản tự nguyện.	Người tiến hành phiên họp xem xét, quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc phải là Hội đồng gồm 03 Thẩm phán độc lập.	B Khoản 2 Điều 2 Pháp lệnh số 03/2026/UBTVQH16

183	Cơ quan nào có thẩm quyền xem xét, quyết định đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đi cai nghiện bắt buộc?	Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi người bị đề nghị đăng ký hộ khẩu thường trú ổn định.	Tòa án nhân dân khu vực nơi có trụ sở công an cấp xã mà Trưởng công an cấp xã đó đề nghị.	Ủy ban nhân dân cấp xã nơi phát hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.	Công an cấp xã.	B Khoản 8 Điều 36 Luật 120/2025/QH15; Khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh số 03/2026/UBTVQH16
184	Người đang chấp hành quyết định cai nghiện tại cơ sở công lập, trường giáo dưỡng được tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại trên cơ sở đề nghị của ai?	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người cai nghiện đăng ký nơi cư trú ổn định.	Trưởng công an cấp xã nơi lập hồ sơ đề nghị đưa đi cai nghiện bắt buộc ban đầu.	Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy công lập.	Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp (luật sư hoặc trợ giúp viên pháp lý).	C Khoản 1 Điều 31 Pháp lệnh số 03/2026/UBTVQH16
185	Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền gì đối với quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đi cai nghiện bắt buộc theo quy định của Pháp lệnh số 03/2026/UBTVQH16?	Xét lại quyết định của Tòa án nhân dân khu vực bị khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị.	Trực tiếp lập hồ sơ đề nghị đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi đi cai bắt buộc.	Quyết định phê duyệt danh sách các cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện tiếp nhận người cai nghiện.	Thanh tra, kiểm tra hoạt động rèn luyện thể chất và lao động trị liệu tại các trường giáo dưỡng thuộc tỉnh.	A Khoản 2 Điều 3 Pháp lệnh số 03/2026/UBTVQH16
186	Yêu cầu đối với Thẩm phán được phân công xem xét, quyết định đưa người từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi đi cai bắt buộc là gì?	Phải có thâm niên công tác tối thiểu 15 năm trong ngành Tòa án nhân dân và từng xét xử tối thiểu 50 vụ án hình sự.	Phải là người đã được đào tạo, bồi dưỡng hoặc có kinh nghiệm giải quyết vụ việc liên quan đến người chưa thành niên hoặc có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người chưa thành niên.	Phải là Thẩm phán trung cấp trở lên và đang giữ chức vụ chánh án hoặc Phó chánh án Tòa án nhân dân khu vực.	Phải tốt nghiệp chuyên khoa tâm thần hoặc đa khoa hệ chính quy và có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.	B Khoản 1 Điều 11 Pháp lệnh số 03/2026/UBTVQH16

187	Thẩm phán ra quyết định đình chỉ việc xem xét, quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc khi có căn cứ nào sau đây?	Hết thời hiệu; Người bị đề nghị không thuộc trường hợp đưa đi cai bắt buộc; Đã chết; Mất năng lực hành vi dân sự; đang chấp hành án phạt tù hoặc cán trường giáo dưỡng; mắc bệnh hiểm nghèo; Trưởng công an cấp xã rút đề nghị.	Người bị đề nghị tự ý bỏ trốn khỏi nơi quản lý của cơ sở cai nghiện công lập trong thời gian lập hồ sơ đề nghị.	cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của người bị đề nghị có đơn khiếu nại gửi chánh án Tòa án nhân dân khu vực.	Người bị đề nghị có kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể âm tính tạm thời tại buổi kiểm tra của cơ sở y tế.	A Khoản 1 Điều 17 Pháp lệnh số 03/2026/UBTVQH16
188	Theo Thông tư 79/2026/TT-BCA, hoạt động chào cờ Tổ quốc và học hát Quốc ca đối với người cai nghiện được tổ chức với tần suất nào?	Mỗi tuần một lần vào sáng thứ Hai.	Mỗi tháng một lần vào ngày mùng một đầu tháng.	Định kỳ hằng ngày trước khi bắt đầu buổi lao động trị liệu.	Mỗi quý một lần vào dịp sơ kết đánh giá xếp loại.	A Điểm A Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 79/2026/TT-BCA
189	Đâu là một trong những nội dung thực hiện trong giai đoạn giáo dục, tư vấn, phục hồi hành vi, nhân cách của người cai nghiện tại cơ sở cai nghiện công lập?	Trồng trọt, chăn nuôi, chăm sóc vườn cây cảnh, vệ sinh khuôn viên cơ sở cai nghiện ma túy.	Tổ chức học nội quy, quy định của cơ sở cai nghiện ma túy; thực hiện chào cờ và học tập đội ngũ, trật tự nội vụ, chính trị, pháp luật, bổ túc văn hóa, kỹ năng sống và các chuyên đề phù hợp khác.	Tổ chức các hoạt động hướng nghiệp, giáo dục nghề nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ sở cai nghiện ma túy.	Tư vấn các biện pháp phòng, chống tái nghiện cho người cai nghiện ma túy; kỹ năng từ chối sử dụng ma túy khi tái hòa nhập cộng đồng.	B Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 79/2026/TT-BCA
190	Thời gian thực hiện hoạt động trị liệu tư vấn cá nhân cho người cai nghiện tại cơ sở công lập được quy định thế nào?	Tối thiểu 30 phút/lần, tối đa không quá 01 lần/tuần.	Tối thiểu 45 phút/lần, tối đa không quá 02 lần/tuần.	Tối đa 60 phút/lần, tối thiểu 03 lần/tuần.	Tùy thuộc hoàn toàn vào nhu cầu thực tế của học viên mà không giới hạn tối thiểu hay tối đa.	B Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 79/2026/TT-BCA

191	Thời gian thực hiện hoạt động trị liệu tư vấn nhóm cho người cai nghiện tại cơ sở công lập được quy định thế nào?	Tối thiểu 60 phút/lần, tối đa không quá 02 lần/tuần.	Tối thiểu 45 phút/lần, tối đa không quá 01 lần/tuần.	Tối đa 90 phút/lần, tối thiểu 03 lần/tuần.	Tối thiểu 30 phút/lần, tổ chức định kỳ hằng ngày vào buổi tối trước giờ đi ngủ.	A Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 79/2026/TT-BCA
192	Chế độ học nghề sơ cấp tại cơ sở công lập áp dụng cho người cai nghiện còn đủ thời gian cai nghiện tối thiểu là bao lâu?	Còn đủ thời gian cai nghiện từ 01 tháng trở lên.	Còn đủ thời gian cai nghiện từ 03 tháng trở lên.	Còn đủ thời gian cai nghiện từ 06 tháng trở lên.	Còn đủ thời gian cai nghiện từ 12 tháng trở lên.	B Điểm B Khoản 1 Điều 12 Thông tư số 79/2026/TT-BCA
193	Đồ vật nào sau đây KHÔNG thuộc danh mục chất cấm, đồ vật cấm đưa vào cơ sở cai nghiện theo Thông tư 79/2026/TT-BCA?	Các tài sản có giá trị lớn như tiền mặt, vàng, kim cương, đá quý.	Rượu, bia, đồ uống có cồn, thuốc lá, thuốc lá điện tử, thuốc Lào, xì gà.	Các thiết bị dùng để đun nấu, đồ dùng bằng kim loại, sành, sứ, thủy tinh.	Sách, báo bằng tiếng Việt đã qua kiểm duyệt và được phép lưu hành hợp pháp.	D Điều 16 Thông tư số 79/2026/TT-BCA
194	Theo Thông tư 79/2026/TT-BCA, đâu là một trong những chế độ đối với người cai nghiện được khen thưởng định kỳ?	Hỗ trợ 0,5 lần mức lương cơ sở hiện tại.	Rút ngắn 30% thời gian cai nghiện còn lại.	Tăng 01 lần thăm gặp trong tháng; 02 lần trong quý hoặc tăng thời gian thăm gặp lên 1,5 lần.	Không có chế độ nào.	C Khoản 2 Điều 26 Thông tư số 79/2026/TT-BCA
195	Theo Thông tư 79/2026/TT-BCA, hình thức kỷ luật nào KHÔNG áp dụng đối với người cai nghiện mà tụt vi phạm các quy định tại cơ sở cai nghiện?	Phê bình.	Cảnh cáo.	Đưa vào quản lý tại khu dành riêng cho người vi phạm kỷ luật.	Đưa ra khỏi cơ sở cai nghiện.	D Khoản 1 Điều 31 Thông tư số 79/2026/TT-BCA
196	Người cai nghiện được gửi lưu ký tiền mặt tối đa bao nhiêu đồng trong một tháng và gửi tối đa mấy lần?	Gửi không quá 02 lần trong tháng và mỗi tháng tối đa được nhận không quá 3.000.000 đồng.	Gửi duy nhất 01 lần trong tháng và tối đa không quá 5.000.000 đồng.	Gửi tối đa 03 lần trong tháng và mỗi tháng không vượt quá 2.000.000 đồng.	Gửi không giới hạn số lần nhưng tổng số tiền nhận không quá 3.000.000 đồng/tháng.	A Khoản 1 Điều 41 Thông tư số 79/2026/TT-BCA